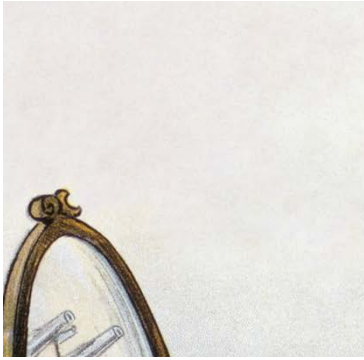
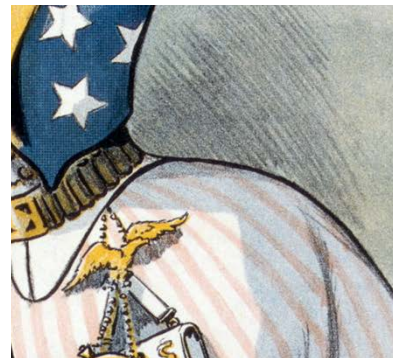
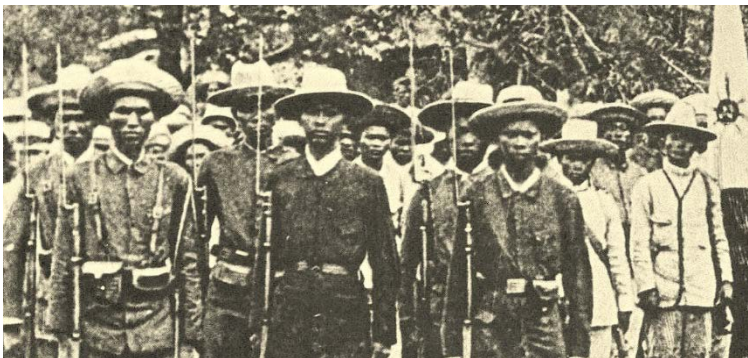




Did the IMPERIALIST ERA  
**EXPAND** or **BETRAY**  
America's **FOUNDING IDEALS?**



11a  
TIẾNG VIỆT





[www.inquiryhistory.com](http://www.inquiryhistory.com)

# QUESTION ELEVEN, PART ONE

Did the IMPERIALIST ERA

EXPAND or BETRAY

America's FOUNDING IDEALS?

EXPLORING AMERICA'S HISTORY THROUGH COMPELLING QUESTIONS

## SUPPORTING QUESTIONS

- 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?
- 2 DID AMERICA DESERVE THE OUTCOMES OF THE SPANISH-AMERICAN AND PHILIPPINE-AMERICAN WARS?
- 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

DEVELOPED AND COMPILED BY  
JONATHAN LOOMIS

SOURCES FOR ORIGINAL TEXT INCLUDE  
courses.lumenlearning.com  
ushistory.org  
sageamericanhistory.net  
learncenter.org  
wikimedia.org



CREATIVE COMMONS ATTRIBUTION  
4.0 INTERNATIONAL LICENSE



## QUESTION ELEVEN , PART ONE

# Did the IMPERIALIST ERA EXPAND or BETRAY

## America's FOUNDING IDEALS?

Since the early days of Jamestown colony, Americans stretching their boundaries to encompass more territory. When the United States was founded in 1776, the practice continued. The 1800s were spent defining the nation's borders through negotiation and war and as the 20th Century dawned, many believed that the expansion should continue.

Different groups pushed for overseas expansion. Industrialists sought new markets for their products and sources for cheaper resources. Nationalists claimed that colonies were a hallmark of national prestige. The European powers had already claimed much of the globe. America would have to compete or perish. Missionaries continually preached to spread their messages of faith. Social Darwinists such as Josiah Strong believed that American civilization was superior to others and that it was an American's duty to diffuse its benefits. Alfred Mahan wrote an influential thesis declaring that throughout history, those that controlled the seas controlled the world. Acquiring naval bases at strategic points around the world was imperative.

Before 1890, American lands consisted of little more than the contiguous states and Alaska. By 1920, America could boast a global empire. American Samoa and Hawaii were added in the 1890s by force. The Spanish-American War brought Guam, Puerto Rico, and the Philippines under the American flag. Through negotiation and intimidation, the United States secured the rights to build and operate a canal in Panama.

The country legitimately call itself an empire. But the transition was not without its critics. The American Anti-Imperialist League argued that the conquest of foreign lands betrayed America's founding ideas. How could a nation founded on liberty, conquer distant nations such as the Philippines, deny the Filipinos the rights accorded to Americans, and still claim to carry to be a model of enlightened freedom for the world to follow? If the Americans could rise up against a king in 1776, why shouldn't the Filipinos be equally justified in their rebellion against American rule?

Kể từ những ngày đầu của thuộc địa Jamestown, người Mỹ kéo dài ranh giới của họ để bao trùm nhiều lãnh thổ hơn. Khi Hoa Kỳ được thành lập năm 1776, việc tiếp tục thực hành. Những năm 1800 đã được dành cho việc xác định biên giới của quốc gia thông qua đàm phán và chiến tranh và khi Thế kỷ 20 bắt đầu, nhiều người tin rằng việc mở rộng sẽ tiếp tục.

Các nhóm khác nhau đã thúc đẩy mở rộng ra nước ngoài. Các nhà công nghiệp tìm kiếm các thị trường mới cho sản phẩm và nguồn của họ cho các nguồn lực rẻ hơn. Các nhà dân tộc cho rằng các thuộc địa là một dấu hiệu của uy tín quốc gia. Các cường quốc châu Âu đã tuyên bố chủ quyền toàn cầu. Mỹ sẽ phải cạnh tranh hoặc bị hư mất. Các nhà truyền giáo liên tục thuyết giảng để truyền bá thông điệp đức tin của họ. Các nhà xã hội học Darwin như Josiah Strong tin rằng nền văn minh Mỹ vượt trội so với những nền văn minh khác và đó là nhiệm vụ của người Mỹ để khuếch tán các lợi ích của nó. Alfred Mahan đã viết một luận án có ảnh hưởng tuyên bố rằng trong suốt lịch sử, những người kiểm soát các vùng biển kiểm soát thế giới. Có được cơ sở hải quân tại các điểm chiến lược trên toàn thế giới là bắt buộc.

Trước năm 1890, các vùng đất của Mỹ bao gồm ít hơn các bang liên kề và Alaska. Đến năm 1920, Mỹ có thể tự hào về một đế chế toàn cầu. Samoa thuộc Mỹ và Hawaii đã được thêm vào những năm 1890 bằng vũ lực. Cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ mang Guam, Puerto Rico và Philippines dưới cờ Mỹ. Thông qua đàm phán và đe dọa, Hoa Kỳ bảo đảm quyền xây dựng và vận hành một kênh đào ở Panama.

Đất nước hợp pháp tự gọi mình là một đế chế. Nhưng quá trình chuyển đổi không phải không có các nhà phê bình của nó. Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ lập luận rằng cuộc chinh phục các vùng đất nước ngoài phản bội ý tưởng sáng lập của Mỹ. Làm thế nào một quốc gia có thể tự do, chinh phục các quốc gia xa xôi như Philippines, phủ nhận người Phi-lip-pin các quyền được giao cho người Mỹ, và vẫn tuyên bố là một mô hình tự do giác ngộ cho thế giới theo sau? Nếu người Mỹ có thể đứng lên chống lại một vị vua vào năm 1776, tại sao người Phi không nên biện minh như nhau trong cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của Mỹ?

To advocates for imperialism, the answer was clear. America, as a leader among nations, had an obligation to spread the message of freedom and democracy. Although the cost may be high, less developed, and less civilized nations needed the United States and the European powers to show the way. In the eyes of the imperialists, foreign intervention was a way to spread the ideals of the Founding Fathers. Imperialism was a positive good, not a betrayal.

What do you think? Did the Imperialist Era expand or betray America's founding ideals?

Để ủng hộ chủ nghĩa đế quốc, câu trả lời là rõ ràng. Mỹ, là một nhà lãnh đạo giữa các quốc gia, có nghĩa vụ truyền bá thông điệp về tự do và dân chủ. Mặc dù chi phí có thể cao, ít phát triển hơn, và các quốc gia văn minh ít hơn cần đến Hoa Kỳ và các cường quốc châu Âu để chỉ đường. Trong con mắt của các đế quốc, sự can thiệp của nước ngoài là một cách để truyền bá những lý tưởng của những người sáng lập. Chủ nghĩa đế quốc là một tích cực tốt, không phải là một sự phản bội.

Bạn nghĩ sao? Kỷ nguyên đế quốc có mở rộng hay phản bội lý tưởng sáng lập của Mỹ không?



# 1

## F I R S T Q U E S T I O N DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATIONS?

Did the IMPERIALIST ERA  
**EXPAND** or **BETRAY**  
America's FOUNDING IDEALS?

### INTRODUCTION

Historian Paul Kennedy has called the emergence of the United States as a player on world stage the most decisive change in late 19th Century. America saw herself as exceptional and felt justified in projecting influence beyond her borders. Americans still intended to avoid “entangling alliances” that George Washington had warned against but felt free to be more actively involved in the affairs of the world.

America had always been driven by the idea of manifest destiny, which was at first at first meant expansion over the whole continent of North America. With the ending of the frontier and the completion of the settlement from sea to shining sea, however, the impulse for further expansion spilled out over America’s borders. American isolationism began to change late in the century for a variety of reasons.

First, the industrial revolution had created challenges that required a broad reassessment of economic policies and conduct. The production of greater quantities of goods, the need for additional sources of raw materials and greater markets all called for American to look outward.

But did this have to happen? It’s true that money is a powerful motivator and American business leaders naturally wanted places to sell their products and find raw materials, but the same is true today and we do not need to invade China to buy and sell with the Chinese. Couldn’t the same have been true 120 years ago?

What do you think? Did America need to be an imperial nation?

### GIỚI THIỆU

Sử gia Paul Kennedy đã gọi sự nổi lên của Hoa Kỳ như một người chơi trên sân khấu thế giới là sự thay đổi quyết định nhất vào cuối thế kỷ 19. Mỹ thấy mình là đặc biệt và cảm thấy hợp lý trong việc chiếu ảnh hưởng ngoài biên giới của mình. Người Mỹ vẫn có ý định tránh "vướng víu liên minh" mà George Washington đã cảnh báo chống lại nhưng cảm thấy tự do tham gia tích cực hơn vào công việc của thế giới.

Nước Mỹ luôn bị thúc đẩy bởi ý tưởng về số phận rõ ràng, vốn là lúc đầu tiên có nghĩa là mở rộng trên toàn bộ lục địa Bắc Mỹ. Tuy nhiên, với sự kết thúc của biên giới và việc hoàn thành khu định cư từ biển đến biển sáng, sự thúc đẩy cho việc mở rộng hơn nữa tràn ra ngoài biên giới của Mỹ. Sự cô lập của Mỹ bắt đầu thay đổi vào cuối thế kỷ vì nhiều lý do.

Thứ nhất, cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra những thách thức đòi hỏi sự đánh giá lại rộng rãi các chính sách và hành vi kinh tế. Việc sản xuất số lượng lớn hàng hóa, nhu cầu bổ sung nguồn nguyên liệu thô và thị trường lớn hơn đều kêu gọi người Mỹ nhìn ra ngoài.

Nhưng điều này có xảy ra không? Đúng là tiền là một động lực mạnh mẽ và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp Mỹ tự nhiên muốn bán sản phẩm của họ và tìm nguyên liệu thô, nhưng điều này cũng đúng ngày hôm nay và chúng tôi không cần xâm nhập Trung Quốc để mua và bán với người Trung Quốc. Có thể điều này cũng không đúng 120 năm trước?

Bạn nghĩ sao? Nước Mỹ có cần phải là một quốc gia hoàng gia không?

## AMERICAN EXCEPTIONALISM

**American Exceptionalism** is the theory that the United States is inherently different from other nations. In this view, American exceptionalism stems from its emergence from the American Revolution, becoming what political scientist Seymour Martin Lipset called "the first new nation" and developing a uniquely American ideology based on liberty, egalitarianism, individualism, and the rule of We the People. Although the term American Exceptionalism does not necessarily imply superiority, many Americans come to see the United States as exceptional and therefore better than those other countries who are not exceptional. To them, the United States is the **City upon a Hill**, a shining example for other nations.

During the late 1800s, industrialization caused American businessmen to seek new international markets in which to sell their goods. Additionally, the increasing influence of **Social Darwinism** led to the belief that the United States was inherently responsible for bringing concepts such as industry, democracy, and Christianity to less developed savage societies. The combination of these attitudes and other factors led the United States toward imperialism.

Pinpointing the actual beginning of American imperialism is difficult. Some historians suggest that it began with the writing of the Constitution. Historian Donald Meinig argues that the imperial behavior of the United States dates back to at least the Louisiana Purchase. He describes this event as an, "aggressive encroachment of one people upon the territory of another, resulting in the subjugation of that people to alien rule." Here, he is referring to policies toward Native Americans, which he said were, "designed to remold them into a people more appropriately conformed to imperial desires."

Whatever its origins, American imperialism experienced its pinnacle from the late 1800s through the years following World War II. During this Age of Imperialism, the United States exerted political, social, and economic control over countries such as Hawaii, Russia, the islands of Micronesia, the Philippines, Cuba, Spain, Germany, Japan and Korea.

## ALASKA

America's first real foray into acquiring territory outside of what we now call **the contiguous United States** was Alaska. Often overlooked, the purchase of Alaska from Russia marks the opening of America's Imperialist Era.

Russia owned the territory of Alaska and had ventured down the western coast of North America as far as Northern California, where

## AMERICAN EXCEPTIONALISM

Chủ nghĩa đặc biệt của Mỹ là lý thuyết rằng Hoa Kỳ vốn đã khác với các quốc gia khác. Theo quan điểm này, chủ nghĩa đặc biệt của Mỹ bắt nguồn từ sự nổi lên của cuộc cách mạng Mỹ, trở thành nhà khoa học chính trị mà Seymour Martin Lipset gọi là "quốc gia mới đầu tiên" và phát triển một hệ tư tưởng độc đáo của người Mỹ dựa trên tự do, chủ nghĩa bình đẳng, chủ nghĩa cá nhân và quy tắc của chúng ta. . Mặc dù thuật ngữ Chủ nghĩa đặc biệt của Mỹ không nhất thiết hàm ý tính ưu việt, nhiều người Mỹ đến để xem Hoa Kỳ là đặc biệt và do đó tốt hơn so với những nước khác không phải là ngoại lệ. Đối với họ, Hoa Kỳ là Thành phố trên đồi, một tấm gương sáng cho các quốc gia khác.

Vào cuối những năm 1800, công nghiệp hóa đã khiến các doanh nhân Mỹ tìm kiếm những thị trường quốc tế mới để bán hàng hóa của họ. Ngoài ra, ảnh hưởng ngày càng tăng của chủ nghĩa Darwin xã hội dẫn đến niềm tin rằng Hoa Kỳ vốn chịu trách nhiệm đưa các khái niệm như công nghiệp, dân chủ và Kitô giáo đến các xã hội hoang dã kém phát triển. Sự kết hợp của những thái độ này và các yếu tố khác khiến Hoa Kỳ hướng tới chủ nghĩa đế quốc.

Xác định sự khởi đầu thực sự của chủ nghĩa đế quốc Mỹ là khó khăn. Một số sử gia cho rằng nó bắt đầu bằng việc viết Hiến pháp. Sử gia Donald Meinig lập luận rằng hành vi hoàng gia của Hoa Kỳ ngày trở lại ít nhất là Louisiana Purchase. Ông mô tả sự kiện này như là một "xâm lấn mạnh mẽ của một người trên lãnh thổ của người khác, dẫn đến việc chinh phục những người đó để cai trị người ngoài hành tinh." Ở đây, ông đề cập đến các chính sách đối với người Mỹ bản địa, mà ông nói, "được thiết kế để remold chúng thành một người phù hợp hơn với mong muốn của hoàng đế."

Bất kể nguồn gốc của nó, chủ nghĩa đế quốc Mỹ trải qua đỉnh cao của nó từ cuối những năm 1800 qua những năm sau Thế chiến II. Trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc này, Hoa Kỳ đã kiểm soát chính trị, xã hội và kinh tế đối với các quốc gia như Hawaii, Nga, các đảo Micronesia, Philippines, Cuba, Tây Ban Nha, Đức, Nhật Bản và Hàn Quốc.

## ALASKA

Sự đột phá thực sự đầu tiên của Hoa Kỳ trong việc mua lại lãnh thổ bên ngoài những gì chúng ta gọi là Hoa Kỳ tiếp giáp là Alaska. Thường bị bỏ qua, việc mua Alaska từ Nga đánh dấu sự mở đầu kỷ nguyên đế quốc của Mỹ.

Nga sở hữu lãnh thổ Alaska và đã mạo hiểm xuống bờ biển phía tây Bắc Mỹ xa đến tận Bắc California, nơi họ xây dựng Fort Ross, chỉ cách hai giờ lái xe về phía bắc



## 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

they built Fort Ross, a mere two hour's drive north of San Francisco. Anticipating, however, that holding on to a distant territory on a different continent might be difficult and unprofitable, the Russians were in the mood to get rid of the territory and sent a German negotiator to meet with the United States. In 1867, Secretary of State William Seward purchased Alaska for \$7.2 million, a venture which critics referred to as **Seward's Folly**.

Only if gold were found, newspaper editors decried at the time, would the secretive purchase be justified. That is exactly what happened. Seward's purchase added an enormous territory to the country, nearly 600,000 square miles, and gave the United States access to the rich mineral resources of the region, including the gold that triggered the Klondike Gold Rush at the close of the century and later vast reserves of oil. As was the case elsewhere in the American borderlands, Alaska's industrial development wreaked havoc on the region's indigenous and Russian cultures.



San Francisco. Tuy nhiên, dự đoán rằng việc nắm giữ một lãnh thổ xa xôi trên một lục địa khác có thể khó khăn và không có lợi nhuận, người Nga có tâm trạng thoát khỏi lãnh thổ và gửi một nhà đàm phán Đức đến gặp Hoa Kỳ. Năm 1867, Ngoại trưởng William Seward mua Alaska với giá 7,2 triệu đô la, một liên doanh mà các nhà phê bình gọi là Folly của Seward.

Chỉ khi vàng được tìm thấy, các biên tập viên báo chí đã chết vào thời điểm đó, việc mua bán bí mật có được biện minh hay không. Đó là chính xác những gì đã xảy ra. mua Seward của thêm một lãnh thổ khổng lồ cho đất nước, gần 600.000 dặm vuông, và đưa việc tiếp cận Hoa Kỳ để tài nguyên khoáng sản phong phú của khu vực, trong đó có vàng mà triggered Klondike Gold Rush lúc đóng cửa của thế kỷ này và dự trữ sau lớn đầu. Như trường hợp ở các khu vực biên giới Mỹ, sự phát triển công nghiệp của Alaska đã tàn phá nền văn hóa bản địa và Nga của khu vực.

### Primary Source: Photograph

The Trans-Alaska Pipeline now carries millions of barrels of crude oil from wells in along the Arctic coast to ports in the South where it is loaded onto tanker ships and carried to refineries in California and elsewhere. This discovery of gold and oil have made Seward's purchase of Alaska from Russia appear to be one of the wisest and best deals America ever concluded.

### Nguồn chính: Ảnh

Đường ống Trans-Alaska hiện mang hàng triệu thùng dầu thô từ các giếng dọc theo bờ biển Bắc Cực đến các cảng ở miền Nam, nơi nó được đưa lên tàu chở dầu và được đưa đến các nhà máy lọc dầu ở California và các nơi khác. Phát hiện về vàng và dầu này đã khiến cho việc mua Alaska của Nga từ Nga dường như là một trong những thỏa thuận khôn ngoan và tốt nhất mà Mỹ từng ký kết.

## ECONOMIC IMPERIALISM

While the United States slowly pushed outward and sought to absorb the lands in the American West and the indigenous cultures that lived there, the country was also changing how it functioned. As a new industrial United States emerged in the 1870s, economic interests began to lead the country toward a more expansionist foreign policy. By forging new and stronger ties overseas, the United States could gain access to international markets for export, as well as better deals on the raw materials needed domestically.

## KINH NGHIỆM KINH TẾ

Trong khi Hoa Kỳ từ từ đẩy ra ngoài và tìm cách hấp thụ các vùng đất ở Tây Mỹ và các nền văn hóa bản địa sống ở đó, đất nước cũng đang thay đổi cách thức hoạt động của nó. Là một quốc gia công nghiệp mới của Hoa Kỳ nổi lên trong những năm 1870, các lợi ích kinh tế bắt đầu dẫn đầu đất nước về một chính sách đối ngoại mở rộng hơn. Bằng cách giả mạo các mối quan hệ mới và mạnh mẽ hơn ở nước ngoài, Hoa Kỳ có thể tiếp cận với các thị trường xuất khẩu quốc tế, cũng như các giao dịch tốt hơn trên các nguyên liệu thô cần thiết trong nước.

# 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

The concerns raised by the economic depression of the early 1890s further convinced business owners that they needed to tap into new markets, even at the risk of foreign entanglements. Because of these growing economic pressures, American exports to other nations skyrocketed in the years following the Civil War, from \$234 million in 1865 to \$605 million in 1875. By 1898, on the eve of the new century, American exports had reached a height of \$1.3 billion annually. Imports over the same period also increased substantially, from \$238 million in 1865 to \$616 million in 1898. Such an increased investment in overseas markets in turn strengthened Americans' interest in foreign affairs.

At a time when business leaders such as Carnegie and Rockefeller had tremendous influence over political decisions, it is no surprise that politicians bent to the will of business.

## RELIGIOUS IMPERIALISM

Businesses were not the only ones seeking to expand. Religious leaders and Progressive reformers joined businesses in the growing interest in American expansion, as both sought to increase the democratic and Christian influences of the United States abroad. Editors of magazines such as Harper's Weekly supported an imperialistic stance as the democratic responsibility of the United States. Several Protestant faiths formed missionary societies in the years after the Civil War, seeking to expand their reach, particularly in Asia. Missionaries conflated Christian teaching with American virtues, and began to spread both gospels with zeal. This was particularly true among women missionaries, who composed over 60% of the overall missionary force. By 1870, missionaries abroad spent as much time advocating for the American version of a modern civilization as they did teaching the Bible.

## THE WHITE MAN'S BURDEN

"The White Man's Burden: The United States and the Philippine Islands", an 1899 poem by the British poet Rudyard Kipling, invites the United States to assume colonial control of that country.

In the poem, Kipling, the acclaimed author of such classics as *The Jungle Book*, exhorts the reader to embark upon the enterprise of empire, yet gives somber warning about the costs involved nonetheless. Perhaps serious or perhaps satire, the poem describes the virtues of spreading Western Protestant Christian culture despite the financial and military costs incurred by the imperialist power. This, according to Kipling was the **White Man's Burden** – that being superior implied the burden of teaching less civilized people. Clearly,

Những lo ngại do khủng hoảng kinh tế đầu những năm 1890 tiếp tục thuyết phục các chủ doanh nghiệp rằng họ cần phải thâm nhập vào các thị trường mới, ngay cả ở nguy cơ vướng mắc nước ngoài. Do những áp lực kinh tế ngày càng tăng, xuất khẩu của Mỹ sang các quốc gia khác tăng vọt trong những năm sau Nội chiến, từ 234 triệu đô la năm 1865 đến 605 triệu đô la vào năm 1875. Đến năm 1898, vào đêm trước của thế kỷ mới, xuất khẩu của Mỹ đã đạt đến đỉnh cao 1,3 tỷ đô la mỗi năm. Nhập khẩu so với cùng kỳ cũng tăng đáng kể, từ 238 triệu đô la năm 1865 lên 616 triệu đô la năm 1898. Việc đầu tư tăng lên ở các thị trường nước ngoài lần lượt củng cố mối quan tâm của người Mỹ đối với các vấn đề đối ngoại.

Vào thời điểm mà các nhà lãnh đạo kinh doanh như Carnegie và Rockefeller có ảnh hưởng to lớn đối với các quyết định chính trị, không có gì ngạc nhiên khi các chính trị gia cúi xuống ý muốn kinh doanh.

## IMPERIALISM TÔN GIÁO

Các doanh nghiệp không phải là những người duy nhất tìm cách mở rộng. Các nhà lãnh đạo tôn giáo và các nhà cải cách tiến bộ đã gia nhập các doanh nghiệp vì lợi ích ngày càng tăng trong việc mở rộng của Mỹ, khi cả hai tìm cách tăng cường các ảnh hưởng dân chủ và Kitô giáo của Hoa Kỳ ở nước ngoài. Biên tập viên của các tạp chí như tuần lễ của Harper đã hỗ trợ lập trường đế quốc như trách nhiệm dân chủ của Hoa Kỳ. Một số tín ngưỡng Tin Lành đã hình thành nên các xã hội truyền giáo trong những năm sau Nội Chiến, tìm cách mở rộng tầm với của họ, đặc biệt là ở châu Á. Những người truyền giáo đã xúi giục giáo lý Cơ Đốc giáo với những đức tính của người Mỹ, và bắt đầu truyền bá cả hai sách phúc âm bằng lòng nhiệt thành. Điều này đặc biệt đúng đối với những người truyền giáo nữ, những người đã chiếm hơn 60% lực lượng truyền giáo tổng thể. Vào năm 1870, những người truyền giáo ở nước ngoài đã dành nhiều thời gian ủng hộ cho phiên bản Mỹ của một nền văn minh hiện đại như họ đã dạy Kinh Thánh.

## TRÁI PHIẾU MÀU TRẮNG

"Gánh nặng của người da trắng: Hoa Kỳ và quần đảo Philippine", một bài thơ năm 1899 của nhà thơ người Anh Rudyard Kipling, mời Hoa Kỳ để nắm quyền kiểm soát thuộc địa của quốc gia đó.

Trong bài thơ, Kipling, tác giả nổi tiếng của những tác phẩm kinh điển như *The Jungle Book*, khuyến khích người đọc bắt tay vào doanh nghiệp của đế chế, nhưng vẫn cảnh báo về những chi phí liên quan đến nhậm chức. Có lẽ nghiêm trọng hoặc có lẽ châm biếm, bài thơ mô tả các nhân đức truyền bá văn hóa Kitô giáo Tin lành phương Tây mặc dù chi phí tài chính và quân sự phát sinh bởi quyền lực đế quốc. Điều này, theo Kipling là Gánh nặng của Người da trắng - điều đó là cao cấp hàm ý gánh nặng dạy cho những người ít văn minh hơn. Rõ ràng, đó là một ý tưởng phân biệt chủng tộc, nhưng một

## 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

it was a racist idea, but one held by many Europeans and Americans at the time.



trong những tổ chức của nhiều người châu Âu và người Mỹ vào thời điểm đó.

### Primary Source: Editorial Cartoon

Uncle Sam and John Bull, representing the United States and Great Britain, carry the people of their respective colonies toward civilization over rocks labeled "ignorance," "oppression" and "superstition." It is hard to image and more clear visualization of the racist idea of the White Man's Burden.

### Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Chú Sam và John Bull, đại diện cho Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, mang theo người dân thuộc địa của họ tới nên văn minh trên những tảng đá gắn mác ngu dốt, vụng trộm áp bức và mê tín. Ý tưởng về gánh nặng của người da trắng.

## EUROPEAN IMPERIALISM

Furthermore, even if Americans had reservations about expansionist, as many did, their doubts were often tempered by the fact that everybody seemed to be doing it. The late-1800s were a time of colonialism, when the European powers seemed bent on gobbling up all the underdeveloped areas of the world and turning them into colonies for military, commercial or political purposes. Europeans had divided Africa amongst themselves, without the consent of anyone in Africa. They were expanding into China. It was said that the sun never set on the British Empire since Britain controlled territory on every continent around the world.

Surely if the Europeans were doing it, many Americans figured, America could conquer foreign lands as well. Besides, if Britain, Italy, Germany or France got there first, Americans might be cut off from access to lucrative markets.

## SEA POWER

Perhaps no one did more to promote the idea of empire than **Alfred T. Mahan**. Mahan was a former navy man and historian and in his 1890 book, **The Influence of Seapower upon History**, he suggested three strategies that would assist the United States in both constructing and maintaining an empire.

First, noting the sad state of the United States navy, he called for the government to build a stronger, more powerful version. Only a

## CHÂU Á CHÂU ÂU

Hơn nữa, ngay cả khi người Mỹ đã đặt trước về sự mở rộng, như nhiều người đã làm, những nghi ngờ của họ thường bị làm nóng bởi thực tế là mọi người dường như đang làm điều đó. Cuối những năm 1800 là thời kỳ của chủ nghĩa thực dân, khi các cường quốc châu Âu dường như cúi xuống gobbling lên tất cả các khu vực kém phát triển của thế giới và biến chúng thành các thuộc địa cho mục đích quân sự, thương mại hoặc chính trị. Người châu Âu đã phân chia châu Phi trong số họ, mà không có sự đồng ý của bất cứ ai ở châu Phi. Họ đang mở rộng sang Trung Quốc. Người ta nói rằng mặt trời không bao giờ đặt trên Đế quốc Anh kể từ khi Anh kiểm soát lãnh thổ trên mọi châu lục trên thế giới.

Chắc chắn nếu người châu Âu đã làm điều đó, nhiều người Mỹ đã tìm ra, Mỹ cũng có thể chinh phục đất nước ngoài. Bên cạnh đó, nếu Anh, Ý, Đức hoặc Pháp đến đó trước tiên, người Mỹ có thể bị cắt đứt khỏi việc tiếp cận với các thị trường béo bở.

## SỨC BIỂN

Có lẽ không ai làm gì để quảng bá ý tưởng đế chế hơn Alfred T. Mahan. Mahan là một cựu chiến binh và sử gia hải quân và trong cuốn sách năm 1890 của ông, Ảnh hưởng của Seapower khi Lịch sử, ông đề xuất ba chiến lược sẽ giúp Hoa Kỳ trong việc xây dựng và duy trì một đế chế.

Đầu tiên, lưu ý đến trạng thái buồn của hải quân Hoa Kỳ, ông kêu gọi chính phủ xây dựng một phiên bản mạnh



# 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

strong navy, he argued could protect American merchant ships as they plied the world's oceans expanding American trade.

Second, he suggested establishing a network of naval bases to fuel this expanding fleet. This was vital, as the limited reach of steamships and their dependence on coal made naval coaling stations imperative for increasing the navy's geographic reach.

Finally, Mahan urged the future construction of a canal across the isthmus of Central America, which would decrease by two-thirds the time and power required to move the new navy from the Pacific to the Atlantic oceans.

Overall, Mahan made a strong case for his thesis: great nations controlled distant territory to enrich the mother country and had strong navies to protect trade.

Heeding Mahan's advice, the government moved quickly, passing the Naval Act of 1890, which set production levels for a new, modern fleet. By 1898, the government had succeeded in increasing the size of the navy to an active fleet of 160 vessels, of which 114 were newly built of steel. In addition, the fleet now included six battleships, compared to zero in the previous decade. As a naval power, the country catapulted to the third strongest in world rankings by military experts, trailing only Spain and Great Britain.

## HAWAII

American interest in the Hawaiian Islands goes back to post-revolutionary days when American traders first started traversing the Pacific. Hawaii was a convenient stopping-off place for ships bound for China and Japan. American missionaries arrived in the islands in the early 19th Century. The scenery, climate and valuable crops like sugar and fruits attracted the attention of investors. In 1842, Secretary of State Daniel Webster recognized the importance of Hawaii for the United States. Native Hawaiians wanted to resist foreign intervention and saw the Americans as an ally in that effort. Although the United States made no move to annex or otherwise control Hawaii, American policy consistently sought to keep other nations from extending their influence over the islands.

In 1875, the United States signed a reciprocity trade treaty with Hawaii that admitted Hawaiian sugar to the United States duty free. Under the terms of the treaty, no Hawaiian territory was to be disposed of to a third party. The Reciprocity Treaty was renewed in 1884, and in 1887, rights to a fortified naval base at **Pearl Harbor**

hơn và mạnh mẽ hơn. Chỉ có một lực lượng hải quân mạnh mẽ, ông lập luận có thể bảo vệ các tàu buôn của Mỹ khi họ cày các đại dương của thế giới mở rộng thương mại của Mỹ.

Thứ hai, ông đề xuất thiết lập một mạng lưới căn cứ hải quân để thúc đẩy đội tàu mở rộng này. Điều này là rất quan trọng, vì tầm với hạn chế của tàu hơi nước và sự phụ thuộc của chúng vào các trạm than đã làm cho hải quân bất buộc phải tăng khả năng tiếp cận địa lý của hải quân.

Cuối cùng, Mahan thúc giục xây dựng tương lai của một con kênh trên eo đất Trung Mỹ, sẽ giảm 2/3 thời gian và sức mạnh cần thiết để di chuyển hải quân mới từ Thái Bình Dương đến Đại Tây Dương.

Nhìn chung, Mahan đã thực hiện một trường hợp mạnh mẽ cho luận án của mình: các quốc gia lớn kiểm soát lãnh thổ xa xôi để làm giàu cho đất nước mẹ và có hải quân mạnh mẽ để bảo vệ thương mại.

Lưu ý đến lời khuyên của Mahan, chính phủ đã nhanh chóng di chuyển, thông qua Đạo luật Hải quân năm 1890, thiết lập mức sản xuất cho một hạm đội mới, hiện đại. Đến năm 1898, chính phủ đã thành công trong việc tăng quy mô của hải quân lên một đội tàu hoạt động gồm 160 tàu, trong đó 114 chiếc được đóng mới bằng thép. Ngoài ra, hạm đội hiện nay bao gồm sáu thiết giáp hạm, so với số không trong thập kỷ trước. Là một cường quốc hải quân, nước này đã được Catapulted xếp hạng thứ ba trong bảng xếp hạng thế giới bởi các chuyên gia quân sự, chỉ sau Tây Ban Nha và Anh.

## HAWAII

Sự quan tâm của người Mỹ ở quần đảo Hawaii trở lại những ngày sau cuộc cách mạng khi các thương nhân Mỹ bắt đầu đi ngang qua Thái Bình Dương. Hawaii là một nơi dừng chân thuận tiện cho các tàu bị ràng buộc đối với Trung Quốc và Nhật Bản. Các nhà truyền giáo người Mỹ đến các đảo vào đầu thế kỷ 19. Phong cảnh, khí hậu và cây trồng quý giá như đường và hoa quả đã thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư. Năm 1842, Ngoại trưởng Daniel Webster công nhận tầm quan trọng của Hawaii đối với Hoa Kỳ. Người Hawaii bản xứ muốn chống lại sự can thiệp của nước ngoài và thấy người Mỹ là một đồng minh trong nỗ lực đó. Mặc dù Hoa Kỳ đã không chuyển sang phụ lục hoặc kiểm soát Hawaii, chính sách của Mỹ luôn tìm cách giữ cho các quốc gia khác không bị ảnh hưởng bởi các đảo.

Năm 1875, Hoa Kỳ đã ký một hiệp ước thương mại có đi có lại với Hawaii thừa nhận đường Hawaii vào Mỹ miễn thuế. Theo các điều khoản của hiệp ước, không lãnh thổ Hawaii nào được xử lý cho bên thứ ba. Hiệp ước đối ứng đã được gia hạn vào năm 1884, và vào năm 1887, các quyền đối với căn cứ hải quân tăng cường tại Trân Châu Cảng đã được thêm vào thỏa thuận. Cuối năm đó, một

## 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

were added to the agreement. Later that year a revolution of White, mostly American, planters forced Hawaiian King Kalakaua to create a constitutional government, which was dominated by minority White Americans. By 1890, American planters controlled two-thirds of the land in Hawaii.



cuộc cách mạng của người da trắng, chủ yếu là người Mỹ, người trồng đã buộc Hawaiian King Kalakaua phải tạo ra một chính phủ hiến pháp, vốn bị chi phối bởi những người da trắng da trắng thiểu số. Đến năm 1890, người trồng rừng Mỹ kiểm soát hai phần ba diện tích đất ở Hawaii.

### Primary Source: Photograph

Queen Liliuokalani, who gave up her thrown peacefully rather than see bloodshed and then lobbied unsuccessfully for the United States to intervene to correct the injustice.

### Nguồn chính: Ảnh

Nữ hoàng Liliuokalani, người đã từ bỏ binh yên của mình thay vì nhìn thấy đổ máu và sau đó vận động không thành công để Hoa Kỳ can thiệp để sửa chữa sự bất công.

The McKinley Tariff of 1890 ended the favorable sugar trade situation for Hawaii, resulting in large losses for American planters. Americans also lost power when **Queen Liliuokalani**, a strong Hawaiian nationalist, acceded to the throne in 1891 following the deaths of her brother, King Kalakaua. An educated woman, she claimed that "Hawaii is for the Hawaiians!" and opposed political reforms. In 1893, a Sanford Dole, the son of an American missionary, formed a Committee of Safety to overthrow the native government. American Minister to Hawaii John L. Stevens violated international law by improperly ordering American Marines ashore from a warship, threatening the government. Dole became president of a new provisional government.

Biểu thuế McKinley năm 1890 đã kết thúc tình hình thương mại đường thuận lợi cho Hawaii, dẫn đến thiệt hại lớn cho người trồng Hoa Kỳ. Người Mỹ cũng mất quyền lực khi Nữ hoàng Liliuokalani, một người theo chủ nghĩa dân tộc Hawaii mạnh mẽ, lên ngôi năm 1891 sau cái chết của anh trai bà, vua Kalakaua. Một người phụ nữ có học thức, cô tuyên bố rằng "Hawaii dành cho người Hawaii!" Và phản đối cải cách chính trị. Năm 1893, một Sanford Dole, con trai của một nhà truyền giáo người Mỹ, đã thành lập một Ủy ban An toàn để lật đổ chính quyền bản địa. Bộ trưởng Hoa Kỳ đến Hawaii John L. Stevens đã vi phạm luật pháp quốc tế bằng cách đặt hàng không đúng cách Thủy quân lục chiến Mỹ lên bờ từ một tàu chiến, đe dọa chính phủ. Dole trở thành chủ tịch của một chính phủ tạm thời mới.

An annexation treaty was hastily sent to Washington and then submitted to the Senate by President Harrison, but, recognizing the obvious illegality of the overthrow, Democrats in the Senate blocked it. When President Cleveland took office in March 1889, he withdrew the treaty and ordered an investigation. Cleveland sent former congressman James Blount to Hawaii. Blount reported wrongdoing against Queen Liliuokalani, and President Cleveland tried to have her

Một hiệp ước sát nhập đã nhanh chóng được gửi đến Washington và sau đó được đệ trình lên Thượng viện bởi Tổng thống Harrison, nhưng, thừa nhận sự bất hợp pháp rõ ràng của sự lật đổ, đảng Dân chủ ở Thượng viện đã chặn nó. Khi Tổng thống Cleveland nhậm chức vào tháng 3 năm 1889, ông rút lại hiệp ước và ra lệnh điều tra. Cleveland đã gửi cựu nghị sĩ James Blount tới Hawaii. Blount đã báo cáo việc làm sai trái với Nữ hoàng Liliuokalani, và Tổng thống Cleveland đã cố gắng để cô ấy được phục hồi lên ngôi vàng của mình. Tuy nhiên,



## 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

restored to her throne. However, the provisional government refused to step down and Cleveland was unwilling to use force in the matter.

Despite opposition, annexing Hawaii fit well into Mahan's plan for American expansion. The naval station at Pearl Harbor provided a critical stopping point in the middle of the Pacific and Hawaii's plantations were the source of valuable agricultural products.

President McKinley negotiated a new annexation treaty, but it was blocked by anti-imperialists in the Senate, failing to get the necessary 2/3 vote. **Congress then annexed Hawaii** by a joint resolution of Congress, which required only a simple majority. President McKinley approved the resolution on July 7, and Hawaii became a United States territory on June 14, 1900.

chính phủ tạm thời từ chối từ chức và Cleveland không muốn sử dụng vũ lực trong vấn đề này.

Bất chấp sự phản đối, việc sáp nhập Hawaii cũng phù hợp với kế hoạch mở rộng của Mỹ của Mahan. Trạm hải quân tại Trân Châu Cảng cung cấp một điểm dừng quan trọng ở giữa khu vực Thái Bình Dương và các đồn điền của Hawaii là nguồn cung cấp các sản phẩm nông nghiệp có giá trị.

Tổng thống McKinley đã đàm phán một hiệp ước sáp nhập mới, nhưng nó đã bị chặn bởi những người chống đế quốc ở Thượng viện, không nhận được phiếu bầu 2/3 cần thiết. Quốc hội sau đó sáp nhập Hawaii bằng một nghị quyết chung của Quốc hội, chỉ yêu cầu đa số đơn giản. Tổng thống McKinley đã phê chuẩn nghị quyết vào ngày 7 tháng 7 và Hawaii trở thành lãnh thổ của Hoa Kỳ vào ngày 14 tháng 6 năm 1900.



### Primary Source: Photograph

US Marines in Honolulu helping to enforce the overthrow of the Hawaiian monarchy. The action was clearly a violation of international law and was reversed by the US government, but the damage had already been done.

### Nguồn chính: Ảnh

Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ ở Honolulu giúp thực thi việc lật đổ chế độ quân chủ Hawaii. Hành động rõ ràng là vi phạm luật pháp quốc tế và đã bị chính phủ Hoa Kỳ đảo ngược, nhưng thiệt hại đã được thực hiện.

### THE PACIFIC

Hawaii was not the only Pacific Island to receive American attention. The United States also expanded its influences, most notably Samoa. The United States had similar strategic interests in the Samoan Islands as they did in Hawaii, most notably, access to the naval refueling station at Pago Pago where American merchant vessels as well as naval ships could take on food, fuel, and supplies.

### THÁI BÌNH DƯƠNG

Hawaii không phải là đảo duy nhất ở Thái Bình Dương nhận được sự chú ý của người Mỹ. Hoa Kỳ cũng mở rộng ảnh hưởng của nó, đặc biệt là Samoa. Hoa Kỳ có lợi ích chiến lược tương tự ở quần đảo Samoa như họ đã làm ở Hawaii, đáng chú ý nhất là tiếp cận trạm tiếp nhiên liệu hải quân tại Pago Pago, nơi các tàu buôn của Mỹ cũng như các tàu hải quân có thể dùng thực phẩm, nhiên liệu và vật tư.

## 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

Germany in particular showed a great commercial interest in the Samoan Islands, especially on the island of Upolu, where German firms monopolized copra and cocoa bean processing. Britain also sent troops to protect British business enterprise and access to Samoa's harbors.

An eight-year civil war broke out, during which each of the three powers supplied arms, training and in some cases combat troops to the warring Samoan parties. The Samoan crisis came to a critical juncture in March 1889 when all three colonial contenders sent warships into Apia Harbor, and a larger-scale war seemed imminent. A massive storm damaged or destroyed the warships, ending the military conflict and giving the great powers a chance to find a diplomatic solution to their competing claims for Samoa.

The United States, Great Britain and Germany divided the island chain. The eastern island group was given to the United States and became **American Samoa**. The western islands, by far the greater landmass, became German Samoa. The United Kingdom gave up all its claims in Samoa and in return, Germany surrendered its claims to Tonga and the Solomon Islands.

After World War I German Samoa was granted independence, but American Samoa remains a territory of the United States.

### OPPOSITION TO IMPERIALISM

Not everyone in the nation was happy with America's new possessions. The Platform of the Anti-imperialist League of October 17, 1899, opened as follows:

"We hold that the policy known as imperialism is hostile to liberty and tends toward militarism, an evil from which it has been our glory to be free. We regret that it has become necessary in the land of Washington and Lincoln to reaffirm that all men, of whatever race or color, are entitled to life, liberty, and the pursuit of happiness. We maintain that governments derive their just powers from the consent of the governed. We insist that the subjugation of any people is 'criminal aggression' and open disloyalty to the distinctive principles of our Government."

The moral costs of creating an empire were not lost on many Americans. The **American Anti-Imperialist League** was an organization established in the United States on June 15, 1898, to battle the American annexation of the Philippines. The League also argued that America's war with Spain in 1898 was a war of imperialism under the guise of a war of liberation.

Đặc biệt, Đức đã thể hiện sự quan tâm thương mại lớn ở quần đảo Samoa, đặc biệt là trên đảo Upolu, nơi các công ty Đức độc quyền chế biến đậu phộng và hạt cacao. Anh cũng cử binh sĩ bảo vệ doanh nghiệp kinh doanh của Anh và tiếp cận các bến cảng của Samoa.

Một cuộc nội chiến kéo dài tám năm nổ ra, trong đó mỗi một trong ba cường quốc đã cung cấp vũ khí, đào tạo và trong một số trường hợp chống lại quân đội cho các đảng Samoan chiến tranh. Cuộc khủng hoảng Samoan đã đến một thời điểm quan trọng vào tháng 3 năm 1889 khi cả ba ứng cử viên thuộc địa đã gửi tàu chiến vào cảng Apia, và một cuộc chiến tranh quy mô lớn dường như sắp xảy ra. Một cơn bão lớn đã phá hủy hoặc phá hủy các tàu chiến, chấm dứt cuộc xung đột quân sự và trao cho các cường quốc một cơ hội để tìm một giải pháp ngoại giao cho các tuyên bố cạnh tranh của họ đối với Samoa.

Hoa Kỳ, Anh và Đức chia chuỗi đảo. Nhóm đảo phía đông đã được trao cho Hoa Kỳ và trở thành Samoa thuộc Mỹ. Các hòn đảo phía tây, đến nay là vùng đất rộng lớn hơn, trở thành Samoa của Đức. Vương quốc Anh đã từ bỏ mọi tuyên bố của mình ở Samoa và ngược lại, Đức đã từ bỏ tuyên bố của mình đối với Tonga và quần đảo Solomon.

Sau Thế chiến I Samoa của Đức đã được trao độc lập, nhưng Samoa thuộc Mỹ vẫn là một lãnh thổ của Hoa Kỳ.

### OPPOSITION TO IMPERIALISM

Không phải tất cả mọi người trong nước đều hài lòng với tài sản mới của nước Mỹ. Nền tảng của Liên đoàn chống đế quốc ngày 17 tháng 10 năm 1899, được mở như sau:

"Chúng tôi giữ rằng chính sách được gọi là chủ nghĩa đế quốc là thù địch với tự do và có xu hướng hướng tới chủ nghĩa quân phiệt, một điều ác mà từ đó vinh quang của chúng ta được tự do. Chúng tôi rất tiếc là nó đã trở nên cần thiết trong vùng đất của Washington và Lincoln để tái khẳng định rằng tất cả mọi người, bất kể chủng tộc hay màu da nào, đều được hưởng sự sống, tự do và theo đuổi hạnh phúc. Chúng tôi duy trì rằng các chính phủ lấy được quyền hạn của họ từ sự đồng ý của người cai trị. Chúng tôi nhấn mạnh rằng việc chinh phục bất kỳ người nào là 'xâm phạm hình sự' và không trung thành với các nguyên tắc đặc biệt của Chính phủ của chúng ta."

Các chi phí đạo đức của việc tạo ra một đế chế không bị mất đi nhiều người Mỹ. Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ là một tổ chức được thành lập tại Hoa Kỳ vào ngày 15 tháng 6 năm 1898, để chiến đấu với sự sáp nhập của Mỹ ở Philippines. Liên đoàn cũng lập luận rằng cuộc chiến tranh của Mỹ với Tây Ban Nha năm 1898 là một cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc dưới vỏ bọc của một cuộc chiến tranh giải phóng.

# 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

The anti-imperialists opposed expansion because they believed imperialism violated the credo of republicanism, especially the need for “consent of the governed.” They did not oppose expansion on commercial, constitutional, religious, or humanitarian grounds, rather, they believed that the annexation and administration of third-world tropical areas would mean the abandonment of American ideals of self-government and isolation—ideals expressed in the United States Declaration of Independence.

The Anti-Imperialist League represented an older generation and was rooted in an earlier era. In the end, they lost their campaign to win over public opinion and in the 1900 election President McKinley and imperialists in Congress won by wide margins.

## CONCLUSION

America became an imperial nation for many reasons. There were business interests, military interests, racist cultural interests, and sometimes simply the motivation of not losing out to European rivals. However, did this have to happen? American business relationships thrive today with nations that are fully independent. Americans maintain friendly relationships with governments who welcome American military personnel and host our military bases on their soil. American culture has been widely adopted in many places. In fact, it is hard to find a place on earth where one cannot buy Coca-Cola.

Certainly the present is an argument that the Imperialist Era was a mistake – a time when Americans succumbed to our most racist, greedy tendencies that were contrary to our founding ideals.

What do you think? Did America have to be an imperial nation?

Các nhà chống đế quốc phản đối việc mở rộng bởi vì họ tin rằng chủ nghĩa đế quốc đã vi phạm uy tín của cộng hòa, đặc biệt là sự cần thiết phải “sự đồng ý của người cai trị”. Họ không phản đối việc mở rộng các cơ sở thương mại, hiến pháp, tôn giáo hoặc nhân đạo. và quản lý các khu vực nhiệt đới của thế giới thứ ba có nghĩa là sự bỏ rơi các lý tưởng của Mỹ về chính phủ và sự cô lập - những lý tưởng được thể hiện trong Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ.

Liên minh chống đế quốc đại diện cho một thế hệ cũ và đã được bắt nguồn từ một thời kỳ trước đó. Cuối cùng, họ đã mất chiến dịch của mình để giành chiến thắng trước dư luận và trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1900, Chủ tịch McKinley và các đế quốc trong Quốc hội đã giành được lợi nhuận rộng.

## PHẦN KẾT LUẬN

Nước Mỹ đã trở thành một quốc gia hoàng gia vì nhiều lý do. Có lợi ích kinh doanh, lợi ích quân sự, lợi ích văn hóa phân biệt chủng tộc, và đôi khi chỉ đơn giản là động lực của việc không thua các đối thủ châu Âu. Tuy nhiên, điều này có xảy ra không? Các mối quan hệ kinh doanh của Mỹ phát triển mạnh với các quốc gia hoàn toàn độc lập. Người Mỹ duy trì mối quan hệ thân thiện với các chính phủ chào đón quân đội Mỹ cá nhân và tổ chức căn cứ quân sự của chúng tôi trên đất của họ. Văn hóa Mỹ đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nơi. Thật ra, thật khó để tìm một nơi trên trái đất là người ta không thể mua Coca-Cola.

Chắc chắn hiện tại là một lập luận rằng thời đại đế quốc là một sai lầm - một thời gian khi người Mỹ không chịu được khuynh hướng phân biệt chủng tộc, tham lam nhất của chúng tôi trái ngược với lý tưởng sáng lập của chúng tôi.

Bạn nghĩ sao? Nước Mỹ có phải là một quốc gia hoàng gia không?

# 1 DID AMERICA NEED TO BE AN IMPERIAL NATION?

## SUMMARY

Americans have believed for a long time that we are exceptional in the world. This idea has led American leaders to involve ourselves in other countries. Sometimes we think we can fix problems or can teach other people the best way to live or run their government. This idea might go as far back as the Pilgrims who believed that their success as a colony in the 1600s was because they had a special covenant with God.

The most common reason Americans took control of distant lands was to make money. Sometimes they were looking for raw materials. Sometimes they wanted to have access to markets with people who would buy American-made goods.

Sometimes imperialism was motivated by religion. Christian missionaries in the United States travelled abroad to spread their beliefs. Usually they looked down on the beliefs and traditions of the people they met. Hawaii is one example where this was true.

Other Americans (and Europeans) believed that their culture was superior to all others, and it was their responsibility to share their way of life with the lesser people of the world. This idea was nicknamed the White Man's Burden. Clearly, it is based on racism.

An important reason politicians became interested in taking control of territory was to provide ports for the navy to stop and refuel their ships. The author Alfred Mahan argued that great nations need colonies and navies to protect trade. Theodore Roosevelt believed in this idea. Hawaii, Guam and the Philippines all had good harbors.

The United States began taking control of territory outside of the contiguous 48 states in 1867 when we purchased Alaska. Later in the 1890s we took control of more territory by annexing Hawaii and Samoa. The European nations also were involved in imperialism at this time in both Asian and Africa.

Not all Americans liked imperialism. Some believed it was bad to take land that belonged to other people. Some thought it was too expensive. Still others did not like the thought of foreign people moving to the United States after their homes became American territories.

## TÓM LƯỢC

Người Mỹ đã tin tưởng từ lâu rằng chúng ta là ngoại lệ trên thế giới. Ý tưởng này đã khiến các nhà lãnh đạo Mỹ tham gia vào các nước khác. Đôi khi chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể khắc phục vấn đề hoặc có thể dạy cho người khác cách tốt nhất để sống hoặc điều hành chính phủ của họ. Ý tưởng này có thể quay trở lại xa như những người hành hương tin rằng thành công của họ như là một thuộc địa trong những năm 1600 là vì họ có một giao ước đặc biệt với Thiên Chúa.

Lý do phổ biến nhất mà người Mỹ nắm quyền kiểm soát vùng đất xa xôi là để kiếm tiền. Đôi khi họ đang tìm kiếm nguyên liệu. Đôi khi, họ muốn có quyền truy cập vào thị trường với những người sẽ mua hàng hóa do Mỹ sản xuất.

Đôi khi chủ nghĩa đế quốc được thúc đẩy bởi tôn giáo. Các nhà truyền giáo Kitô giáo ở Hoa Kỳ đã đi ra nước ngoài để truyền bá niềm tin của họ. Thông thường họ xem thường niềm tin và truyền thống của những người họ gặp. Hawaii là một ví dụ nơi điều này là đúng.

Những người Mỹ khác (và châu Âu) tin rằng văn hóa của họ vượt trội hơn tất cả những người khác, và họ có trách nhiệm chia sẻ cách sống của họ với những người kém hơn trên thế giới. Ý tưởng này được đặt biệt danh là Người đàn ông da trắng Burden. Rõ ràng, nó dựa trên phân biệt chủng tộc.

Một lý do quan trọng khiến các chính trị gia bắt đầu quan tâm đến việc kiểm soát lãnh thổ là cung cấp cảng cho hải quân dừng lại và tiếp nhiên liệu cho tàu của họ. Tác giả Alfred Mahan cho rằng các quốc gia vĩ đại cần các thuộc địa và hải quân để bảo vệ thương mại. Theodore Roosevelt tin vào ý tưởng này. Hawaii, đảo Guam và Philippines đều có bến cảng tốt.

Hoa Kỳ bắt đầu kiểm soát lãnh thổ bên ngoài 48 tiểu bang tiếp giáp vào năm 1867 khi chúng tôi mua Alaska. Sau đó vào những năm 1890, chúng tôi đã kiểm soát nhiều lãnh thổ hơn bằng cách sáp nhập Hawaii và Samoa. Các quốc gia châu Âu cũng tham gia vào chủ nghĩa đế quốc tại thời điểm này ở cả châu Á và châu Phi.

Không phải tất cả người Mỹ thích chủ nghĩa đế quốc. Một số người tin rằng thật tệ khi lấy đất thuộc về người khác. Một số nghĩ rằng nó quá đắt. Vẫn còn những người khác không thích suy nghĩ của người nước ngoài chuyển đến Hoa Kỳ sau khi nhà của họ trở thành lãnh thổ của Mỹ.



### KEY CONCEPTS

**American Exceptionalism:** The idea that the United States is unique in the world, usually in the sense that the United States is better than all other nations due to our history and form of government.

**City Upon a Hill:** An image borrowed from the Bible by Puritan minister John Winthrop to describe the United States as a model society that the rest of the world should look up to as an example.

**Social Darwinism:** The idea that people, businesses and nations operate by Charles Darwin's survival of the fittest principle. That is, successful nations are successful because they are inherently better than others. At the turn of the century, White culture was seen as superior to others because Europeans and the United States were imperial nations and had defeated the people of their colonies.

**White Man's Burden:** The idea that White Americans and Europeans had an obligation to teach the people of the rest of the world how to be civilized.



### LOCATIONS

**Contiguous United States:** The 48 states that touch. In other words, all the states except Alaska and Hawaii.

**Pearl Harbor:** Naval base on Oahu in Hawaii. The United States annexed Hawaii in part to gain control over this important coaling station.

**American Samoa:** Island group in the Pacific annexed by the United States. It was divided with Germany and remains an American territory.



### BOOKS

**The Influence of Seapower upon History:** Book by Alfred T. Mahan in which he argued that great nations have colonies and navies to protect trade with those colonies. This book inspired Theodore Roosevelt and led to the acquisition of overseas colonies such as Hawaii, the Philippines, Guam and Samoa.



### PEOPLE AND GROUPS

**Alfred T. Mahan:** Author of the book "The Influence of Seapower upon History."

**Queen Liliuokalani:** Last queen of the independent Kingdom of Hawaii.

**American Anti-Imperialist League:** Organization of Americans opposed to imperialism.



### EVENTS

**Seward's Folly:** A nickname for the purchase of Alaska, alluding to the idea that it was a mistake.

**Annexation of Hawaii:** June 14, 1900 resolution by Congress that made Hawaii a territory of the United States.



# 2

## S E C O N D Q U E S T I O N DID AMERICA DESERVE THE OUTCOME OF THE SPANISH-AMERICAN AND PHILIPPINE-AMERICAN WARS?

Did the IMPERIALIST ERA  
EXPAND or BETRAY  
America's FOUNDING IDEALS?

### INTRODUCTION

In 1898, the United States fought a war with Spain. It was a “splendid little war” as one politician called it. Few Americans died. The army and navy proved themselves in battle and America won significant territory. In short, it was a smashing success.

Afterward, the United States found itself engaged in a long, ugly, bloody war to try to impose its authority in the Philippines over a determined Filipino independence movement.

While the Spanish-American War was an unqualified victory, the Philippine-American War proved to be a cautionary tale of the challenges of empire building.

Did the United States deserve the spoils of its victory over the Spanish? Did we deserve the trouble we had in the Philippines?

In short, did we deserve the outcomes of these two wars?

### GIỚI THIỆU

Năm 1898, Hoa Kỳ đã chiến đấu với Tây Ban Nha. Đó là một “chiến tranh nhỏ gọn” như một chính trị gia gọi nó. Rất ít người Mỹ đã chết. Quân đội và hải quân đã chứng minh mình trong trận chiến và Mỹ giành được lãnh thổ đáng kể. Tóm lại, đó là một thành công vang dội.

Sau đó, Hoa Kỳ thấy mình tham gia vào một cuộc chiến lâu dài, xấu xí, đẫm máu để cố gắng áp đặt quyền lực của mình ở Philippines theo một phong trào độc lập của Philippines.

Trong khi chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ là một chiến thắng không đủ tiêu chuẩn, cuộc chiến tranh Philippine-Mỹ đã chứng minh là một câu chuyện cảnh báo về những thách thức của việc xây dựng đế chế.

Liệu Hoa Kỳ có xứng đáng với chiến lợi phẩm chiến thắng của mình trước người Tây Ban Nha không? Chúng ta có xứng đáng với những rắc rối chúng ta có ở Philippines không?

Tóm lại, chúng ta có xứng đáng với kết quả của hai cuộc chiến này không?

## CUBA

America's relationship with **Cuba** long predated the Imperialist Era. Even before the Civil War, southern planters had considered annexing Cuba as a way of adding to another slave state to the Union. In the end, this scheme failed, and Cuba remained a Spanish colony, but the island so close to Florida remained a particular interest of many Americans.

Cubans were not particularly excited about the idea of being annexed by the United States, but by the late 1800s, they were certainly not interested in remaining a part of the Spanish empire. Most other nations in Central and South America had long before become independent.

Revolts against Spanish rule were becoming common. With the abolition of slavery in 1886, former slaves joined the ranks of farmers and the urban working class in agitating for change. Many wealthy Cubans lost their property, and the number of sugar mills declined. Only companies and the most powerful plantation owners remained in business, and during this period, American money began flowing into the country as American investors bought up struggling plantations. Although it remained Spanish territory politically, Cuba started to depend on the United States economically.

In 1881, the Cuban revolutionary leader **José Martí** moved to the United States to escape Spanish authorities. There he mobilized the support of the Cuban exile community, especially in southern Florida. He aimed for a revolution and independence from Spain, but also lobbied against American annexation of Cuba, which some American and Cuban politicians desired.

For a variety of reasons, Americans sympathized with the Cuban rebels in their struggle for independence. The United States had gone through a similar struggle with Great Britain a century earlier. The revolutionists also carried out an effective propaganda campaign, which included destruction of American sugar mills and railroads, designed to bring about American intervention in the revolt. The Cuban rebels strategies, not unreasonably, that if America became involved in dispute, it would likely be on the side of the Cubans seeking independence. The propaganda campaign was carried on in New York City under the guidance of rebel leader José Martí.

Spain did not have any intention to grant Cuban independence and in 1895, the Spanish government dispatched 50,000 troops to the island. Things did not go well, and with their efforts to suppress the rebellion going badly, in 1896 Spain sent General Valeriano Weyler to Cuba. Weyler established concentration camps to hold captured

## CUBA

Mối quan hệ của Hoa Kỳ với Cuba đã kéo dài thời đại đế quốc. Ngay cả trước Nội chiến, các nhà trồng trọt miền Nam đã xem xét sáp nhập Cuba như một cách để thêm vào một trạng thái nô lệ khác cho Liên minh. Cuối cùng, kế hoạch này thất bại, và Cuba vẫn là một thuộc địa Tây Ban Nha, nhưng hòn đảo rất gần với Florida vẫn là mối quan tâm đặc biệt của nhiều người Mỹ.

Người Cuba không đặc biệt hào hứng với ý tưởng bị Hoa Kỳ sáp nhập, nhưng vào cuối những năm 1800, họ chắc chắn không quan tâm đến việc vẫn là một phần của đế chế Tây Ban Nha. Hầu hết các quốc gia khác ở Trung và Nam Mỹ từ lâu đã trở nên độc lập.

Những cuộc nổi loạn chống lại sự cai trị của Tây Ban Nha đã trở nên phổ biến. Với việc bãi bỏ chế độ nô lệ vào năm 1886, những nô lệ cũ đã gia nhập hàng ngũ nông dân và tầng lớp lao động đô thị trong việc kích động sự thay đổi. Nhiều người Cuba giàu có đã mất tài sản của họ, và số lượng các nhà máy đường giảm. Chỉ có các công ty và chủ đồn điền mạnh nhất vẫn còn kinh doanh, và trong thời gian này, tiền của Mỹ bắt đầu chảy vào đất nước khi các nhà đầu tư Mỹ mua các đồn điền đang gặp khó khăn. Mặc dù vẫn là lãnh thổ Tây Ban Nha về chính trị, Cuba bắt đầu phụ thuộc vào Hoa Kỳ về mặt kinh tế.

Năm 1881, nhà lãnh đạo cách mạng Cuba José Martí chuyển đến Hoa Kỳ để thoát khỏi chính quyền Tây Ban Nha. Ở đó, ông đã huy động sự ủng hộ của cộng đồng lưu vong Cuba, đặc biệt là ở miền nam Florida. Ông nhắm vào một cuộc cách mạng và độc lập từ Tây Ban Nha, nhưng cũng đã vận động chống lại sự sáp nhập của Mỹ của Cuba, mà một số chính trị gia Mỹ và Cuba mong muốn.

Vì nhiều lý do, người Mỹ thông cảm với các phiến quân Cuba trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Hoa Kỳ đã trải qua một cuộc đấu tranh tương tự với Anh Quốc một thế kỷ trước đó. Các nhà cách mạng cũng thực hiện một chiến dịch tuyên truyền hiệu quả, trong đó bao gồm phá hủy các nhà máy đường và đường sắt của Mỹ, được thiết kế để mang lại sự can thiệp của Mỹ trong cuộc nổi dậy. Các chiến lược phiến quân Cuba, không phải là bất hợp lý, rằng nếu Mỹ tham gia vào tranh chấp, nó có thể sẽ là ở phía bên của người dân Cuba tìm kiếm sự độc lập. Chiến dịch tuyên truyền được thực hiện tại thành phố New York dưới sự hướng dẫn của thủ lĩnh phiến quân José Martí.

Tây Ban Nha không có ý định cấp độc lập cho Cuba và năm 1895, chính phủ Tây Ban Nha đã phái 50.000 quân đến đảo. Mọi thứ đã không diễn ra tốt đẹp, và với những nỗ lực của họ để ngăn chặn cuộc nổi dậy xấu đi, năm 1896, Tây Ban Nha đã gửi Tướng Valeriano Weyler tới Cuba. Weyler đã thành lập các trại tập trung để giữ các phiến quân bị bắt cùng với các chính sách cứng nhắc khác. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm đó tại Hoa Kỳ,

rebels in addition to other hard-nosed policies. During the presidential election of that year in the United States, the Republican Party had adopted an expansionist platform, which helped get William McKinley elected. The existence of the Weyler policy of reconcentrado, which led to his being known as “Butcher Weyler,” kept interest in the Cuban affair at a high level. Americans began demonstrating in order to display their opposition to Spanish rule in Cuba.

As Congress called for recognition of the rights of the rebelling Cubans, President McKinley offered to mediate with Spain for Cuban independence. Spain declined, but otherwise did its best to satisfy American concerns, not wishing war with an emerging world power. Meanwhile, the two American ambassadors involved, seemed to be working in opposite directions. While Ambassador Stewart L. Woodford was trying to pursue a peaceful resolution with Spain in Madrid, Ambassador Fitzhugh Lee in **Havana** seemed to be stirring things further in the opposite direction.

Đảng Cộng hòa đã thông qua một nền tảng mở rộng, giúp William McKinley được bầu. Sự tồn tại của chính sách Weyler của reconcentrado, dẫn đến việc ông được biết đến với cái tên “Butcher Weyler”, giữ quan tâm đến vụ Cuba ở mức cao. Người Mỹ bắt đầu biểu tình để thể hiện sự chống đối của họ đối với cai trị Tây Ban Nha ở Cuba.

Khi Quốc hội kêu gọi công nhận quyền của những người nổi loạn Cuba, Tổng thống McKinley đề nghị hòa giải với Tây Ban Nha để giành độc lập cho Cuba. Tây Ban Nha đã từ chối, nhưng nếu không thì sẽ làm hết sức mình để thỏa mãn những lo ngại của Mỹ, không muốn chiến tranh với một cường quốc thế giới mới nổi. Trong khi đó, hai đại sứ Mỹ tham gia, dường như đang làm việc theo những hướng ngược nhau. Trong khi Đại sứ Stewart L. Woodford đang cố gắng theo đuổi một giải pháp hòa bình với Tây Ban Nha ở Madrid, Đại sứ Fitzhugh Lee ở Havana dường như đang khuấy động nhiều thứ theo hướng ngược lại.

## Primary Source: Drawing

The provocative, and entirely fictitious, strip searching of American women by Spanish authorities that was reported in William Randolph Hurst's newspapers. Stories like these inflamed public opinion and pushed President McKinley to ask for a declaration of war.

## Nguồn chính: Vẽ

Các cuộc tìm kiếm dải khiêu khích và hoàn toàn hư cấu của phụ nữ Mỹ bởi các nhà chức trách Tây Ban Nha đã được báo cáo trên báo William Randolph Hurst. Những câu chuyện như thế này gây xôn xao dư luận và thúc đẩy Tổng thống McKinley yêu cầu tuyên chiến.



## REMEMBER THE MAINE

Yellow journalism made itself felt during the Cuban conflict. William Randolph Hearst and Joseph Pulitzer vied for readership in a circulation war using tactics of exaggeration and sensationalism to keep readers buying their papers. One myth of the war says that when Hearst dispatched a photographer to Cuba to take pictures of the war, his man telegraphed back that there was not any war to photograph. Hearst is said to have responded, "You take care of the pictures. I'll take care of the war!" Hearst published a sensational drawing on the front page of his Journal of an American woman being strip-searched by Spanish officers. The story was false, but it sold newspapers. Historian Page Smith has called the press behavior in the Cuban matter "disgraceful," an opinion widely shared today.

Still attempting to avoid war, Spain replaced General Weyler with General Blanco and began to reform its policy in Cuba in an attempt to meet America's growing demands. With various interests in Spain, Cuba, and the United States all pulling in different directions, however, President McKinley was at something of a loss to find the most reasonable course. Just when it looked as though a peaceful settlement might be reached, two unfortunate events occurred.



## HÃY NHỚ MAINE

Báo chí màu vàng đã tự cảm thấy trong cuộc xung đột Cuba. William Randolph Hearst và Joseph Pulitzer đã tranh giành độc giả trong một cuộc chiến lưu thông sử dụng các chiến thuật cường điệu và giật gân để giữ độc giả mua giấy tờ của họ. Một huyền thoại về cuộc chiến nói rằng khi Hearst phái một nhiếp ảnh gia đến Cuba để chụp ảnh chiến tranh, người đàn ông của ông đã báo điện tử rằng không có bất kỳ chiến tranh nào để chụp ảnh. Hearst được cho là đã trả lời, "Bạn chăm sóc những bức ảnh. Tôi sẽ chăm sóc chiến tranh!" Hearst xuất bản một bản vẽ giật gân trên trang đầu của tờ tạp chí của một người phụ nữ Mỹ bị các sĩ quan Tây Ban Nha tìm kiếm. Câu chuyện là sai, nhưng nó đã bán báo. Sử gia Smith đã gọi hành vi báo chí trong vấn đề Cuba "đáng hổ thẹn", một ý kiến được chia sẻ rộng rãi ngày nay.

Vẫn cố gắng tránh chiến tranh, Tây Ban Nha đã thay thế Tướng Weyler bằng tướng Blanco và bắt đầu cải cách chính sách của mình tại Cuba nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của Mỹ. Với nhiều lợi ích khác nhau ở Tây Ban Nha, Cuba và Hoa Kỳ, tất cả đều kéo theo các hướng khác nhau, tuy nhiên, Tổng thống McKinley đang ở trong tình trạng mất mát để tìm ra khóa học hợp lý nhất. Chỉ khi nó trông như thể một sự giải quyết hòa bình có thể đạt được, hai sự kiện không may đã xảy ra.

### Primary Source: Photograph

The USS Maine sailing into Havana Harbor.

### Nguồn chính: Ảnh

Tàu USS Maine đi vào cảng Havana.

American Consul in Havana, Fitzhugh Lee, the son of Confederate general Robert E. Lee, requested a show of naval force to calm things down, and the **USS Maine** was sent to Havana harbor, clearly a provocative act.

While the Maine lay at anchor in Havana, a letter written by Spanish ambassador De Lome in Washington insulting President McKinley was stolen from the mail by a Cuban revolutionary. He turned it over to a reporter of the Hearst newspapers, which Hearst published in the New

Lãnh sự Mỹ tại Havana, Fitzhugh Lee, con trai của Tổng lãnh sự Liên minh Robert E. Lee, đã yêu cầu một lực lượng hải quân để làm dịu mọi thứ, và USS Maine được gửi đến cảng Havana, rõ ràng là một hành động khiêu khích.

Trong khi Maine nằm neo tại Havana, một lá thư được viết bởi đại sứ Tây Ban Nha De Lome ở Washington xúc phạm Tổng thống McKinley đã bị đánh cắp bởi một nhà cách mạng Cuba. Ông đã chuyển nó cho một phóng viên của tờ báo Hearst, mà Hearst xuất bản trên tạp chí



York Journal. Americans were outraged, and De Lome was forced to resign.

One week later the *Maine*, which had been sent “as a friendly act of courtesy” to protect American lives and property, blew up, killing over 200 American sailors. Of all those least likely to be responsible, Spain headed the list. Nevertheless, the yellow press adopted the slogan “**Remember the Maine!** To hell with Spain!” Much later it was determined that the **explosion aboard the Maine** was probably an accident, but the damage to international relationships had been done.

The Spanish ambassador was not the only one who thought President McKinley was wishy-washy. Although it is clear that he wanted Spain out of Cuba, even going so far as to offer to purchase the island, he was not hell-bent on going to war. Historians have generally concluded, however, that the American public, aroused by the yellow press, pushed the president into seeking a declaration of war. Reluctantly President McKinley, himself a veteran of the horrors of the Civil War, asked Congress to declare war on Spain and on April 25, 1898, the United States officially entered a state war with Spain. An amendment known as the **Teller Amendment** was added to the declaration, indicating that the United States had no intention to annex Cuba.



New York. Người Mỹ bị xúc phạm, và De Lome bị buộc phải từ chức.

Một tuần sau, *Maine*, đã được gửi “như một hành động thân thiện của lịch sử” để bảo vệ cuộc sống và tài sản của Mỹ, thổi lên, giết chết hơn 200 thủy thủ Mỹ. Trong số tất cả những người ít có khả năng chịu trách nhiệm, Tây Ban Nha đứng đầu danh sách. Tuy nhiên, báo chí vàng đã thông qua khẩu hiệu “Hãy nhớ *Maine*! Đến địa ngục với Tây Ban Nha!” Nhiều năm sau nó đã được xác định rằng vụ nổ trên tàu *Maine* có lẽ là một tai nạn, nhưng thiệt hại cho các mối quan hệ quốc tế đã được thực hiện.

Đại sứ Tây Ban Nha không phải là người duy nhất nghĩ rằng Tổng thống McKinley đã mơ hồ. Mặc dù rõ ràng rằng ông muốn Tây Ban Nha ra khỏi Cuba, thậm chí đi xa như vậy để cung cấp để mua hòn đảo, ông không phải là địa ngục-cong về chiến tranh. Tuy nhiên, các nhà sử học nói chung đã kết luận rằng công chúng Mỹ, bị kích động bởi báo chí vàng, đã đẩy tổng thống tìm kiếm một tuyên bố chiến tranh. Bất đắc dĩ Tổng thống McKinley, chính ông là cựu chiến binh của những cuộc khủng hoảng nội chiến, đã yêu cầu Quốc hội tuyên chiến với Tây Ban Nha và ngày 25 tháng 4 năm 1898, Hoa Kỳ chính thức bước vào một cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha. Một sửa đổi được gọi là Sửa đổi của người bán đã được thêm vào bản tuyên bố, cho thấy rằng Hoa Kỳ không có ý định sáp nhập Cuba.

## Secondary Source: Painting

No photographs of the actual explosion of the *Maine* exist. This is one artist’s depiction of the event which certainly captures the nation’s horror.

## Nguồn phụ: Tranh

Không có hình ảnh về vụ nổ thực tế của *Maine* tồn tại. Đây là một mô tả của họa sĩ về sự kiện này chắc chắn nắm bắt được nỗi kinh hoàng của quốc gia.

## THE SPLENDID LITTLE WAR

The **Splendid Little War**, as the **Spanish-American War** was later called by Secretary of State John Hay, was handily won by the United States over an inept Spanish army and navy. Americans supported the war enthusiastically, and many young men volunteered. However, the regular army, which had done little but fight Native Americans since the Civil War, was ill prepared to manage the mobilization necessary

## CHIẾN LƯỢC CHIẾN LƯỢC CHIẾN LƯỢC

Cuộc chiến tranh nhỏ bé lộng lẫy, như sau này được gọi là Bộ trưởng Ngoại giao John Hay, đã được Hoa Kỳ trao tay một cách dễ dàng trước một đội quân và hải quân Tây Ban Nha. Người Mỹ ủng hộ chiến tranh nhiệt tình, và nhiều thanh niên tình nguyện. Tuy nhiên, quân đội thường xuyên, đã làm rất ít nhưng chống lại người Mỹ bản xứ kể từ Nội chiến, đã chuẩn bị sẵn sàng để quản lý việc huy động cần thiết để chiến đấu và vận



to get on a war footing and mobilization was slow, clumsy and it was months before any American soldiers actually landed on Cuba.

The navy, on the other hand, was in good trim, having been expanded during the previous decades in response to the writings of Mahan and the support of other navalists like Theodore Roosevelt. The navy fought well from the beginning. Commodore **George Dewey**, dispatched from Hong Kong, **destroyed the Spanish fleet in Manila Bay** in the Philippines, suffering only minor casualties to his ships and men. Later Admirals Sampson and Schley defeated the Spanish fleet off the coast of Cuba. The movement of naval vessels between Asia and the United States and around the tip of South America underscored the need for a canal between the Atlantic and Pacific Oceans in Central America.

Although the Army was plagued by inefficiency, disease and disorder, American ground forces were bolstered by volunteers such as Theodore Roosevelt's famous **Rough Riders**. American soldiers fought bravely enough to defeat a hapless Spanish army near Santiago. American troops also occupied Puerto Rico, another Caribbean island Spanish colony. The fighting, which lasted less than four months, saw fewer than 400 American soldiers killed in combat. Over ten times as many died from disease, however.

The most popular image of the Spanish-American War is of Theodore Roosevelt and his Rough Riders, charging up San Juan Hill. But less well known is that the Rough Riders struggled mightily in several battles and would have sustained far more serious casualties, if not for the experienced black veterans, over 2,500 of them, who joined them in battle. These soldiers, who had been fighting the Indian Wars on the American frontier for many years, were instrumental in the victory in Cuba.

The choice to serve in the Spanish-American War was not a simple one. Within the African American community, many spoke out both for and against involvement in the war. Some felt that because they were not offered the true rights of citizenship it was not their burden to volunteer for war. Others, in contrast, argued that participation in the war offered an opportunity for African Americans to prove themselves to the rest of the country. While their presence was welcomed by the military which desperately needed experienced soldiers, the Black regiments suffered racism and harsh treatment while training in the southern states before shipping off to battle.

Once in Cuba, however, the **Smoked Yankees**, as the Cubans called the African American soldiers, fought side-by-side with Roosevelt's Rough Riders, providing crucial tactical support to some of the most

động chậm, vụng về và đã vài tháng trước khi bất kỳ binh lính Mỹ nào thực sự đổ bộ lên Cuba.

Hải quân, mặt khác, đã được cắt tĩa tốt, đã được mở rộng trong những thập kỷ trước để đối phó với các tác phẩm của Mahan và sự hỗ trợ của các nhà hải quân khác như Theodore Roosevelt. Hải quân chiến đấu tốt ngay từ đầu. Commodore George Dewey, được phái từ Hồng Kông, phá hủy hạm đội Tây Ban Nha ở vịnh Manila ở Philippines, chỉ bị thương vong nhỏ đối với tàu và nam giới của mình. Sau đó, Admirals Sampson và Schley đánh bại hạm đội Tây Ban Nha ngoài khơi Cuba. Sự chuyển động của các tàu hải quân giữa châu Á và Hoa Kỳ và xung quanh mũi của Nam Mỹ nhấn mạnh sự cần thiết cho một kênh đào giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương ở Trung Mỹ.

Mặc dù quân đội bị cản trở bởi sự thiếu hiệu quả, bệnh tật và rối loạn, lực lượng mặt đất của Mỹ được các tình nguyện viên như Rough Riders nổi tiếng của Theodore Roosevelt ủng hộ. Binh lính Mỹ đã chiến đấu dũng cảm để đánh bại một đội quân Tây Ban Nha bất hạnh gần Santiago. Quân đội Mỹ cũng chiếm đóng Puerto Rico, một thuộc địa của đảo Caribe thuộc Tây Ban Nha. Cuộc chiến kéo dài chưa đầy bốn tháng, đã thấy ít hơn 400 lính Mỹ thiệt mạng trong chiến đấu. Tuy nhiên, số người chết nhiều hơn gấp 10 lần.

Hình ảnh phổ biến nhất của cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ là Theodore Roosevelt và Rough Riders của anh ta, tấn công lên đồi San Juan. Nhưng ít được biết đến hơn là Rough Riders vật lộn mạnh mẽ trong một vài trận chiến và sẽ phải chịu thương vong nghiêm trọng hơn nhiều, nếu không phải cho các cựu chiến binh da đen giàu kinh nghiệm, hơn 2.500 người trong số họ, những người tham gia trong trận chiến. Những người lính này, những người đã chiến đấu với cuộc chiến tranh Ấn Độ trên biên giới Mỹ trong nhiều năm, là công cụ trong chiến thắng ở Cuba.

Sự lựa chọn để phục vụ trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ không phải là một cách đơn giản. Trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi, nhiều người đã lên tiếng và chống lại sự tham gia trong chiến tranh. Một số cảm thấy rằng bởi vì họ không được cung cấp các quyền thực sự của quốc tịch, nó không phải là gánh nặng của họ để tình nguyện cho chiến tranh. Những người khác, ngược lại, lập luận rằng sự tham gia vào cuộc chiến tạo cơ hội cho người Mỹ gốc Phi chứng minh bản thân mình cho phần còn lại của đất nước. Trong khi sự hiện diện của họ được quân đội chào đón, những người có kinh nghiệm tuyệt vọng cần thiết, các trung đoàn da đen bị phân biệt chủng tộc và đối xử tàn bạo trong khi tập luyện ở các bang phía Nam trước khi vận chuyển.

Tuy nhiên, một khi ở Cuba, người Yankee hun khói, như người Cuba gọi là lính Mỹ gốc Phi, đã chiến đấu bên cạnh Roosevelt's Rough Riders, cung cấp hỗ trợ chiến thuật tuyệt vọng cần thiết, các trung đoàn da đen bị phân biệt chủng tộc và đối xử tàn bạo trong khi tập luyện ở các bang phía Nam trước khi vận chuyển.

important battles of the war. After the Battle of San Juan, five African American soldiers received the Medal of Honor and 25 others were awarded a certificate of merit. One reporter wrote that “if it had not been for the Negro cavalry, the Rough Riders would have been exterminated.” For some of the soldiers, their recognition made the sacrifice worthwhile. Others, however, struggled with American oppression of Cubans and Puerto Ricans, feeling kinship with the black residents of these countries who fell under American rule.



người lính Mỹ gốc Phi đã nhận Huân chương Danh dự và 25 người khác được trao bằng khen. Một phóng viên đã viết rằng “nếu nó không được cho kỵ binh Negro, Rough Riders sẽ bị tiêu diệt.” Đối với một số binh sĩ, sự công nhận của họ đã làm cho sự hy sinh đáng giá. Những người khác, tuy nhiên, phải vật lộn với sự đàn áp của Mỹ đối với người Cuba và người Puerto Rico, cảm thấy họ hàng với những cư dân da đen của những nước này dưới sự cai trị của người Mỹ.

## Primary Source: Photograph

Some of the African American troops who fought in Cuba. Many of them were veterans of the Indian Wars in the West where they had been called Buffalo Soldiers by the Native Americans. In Cuba, they were given the nickname Smoked Yankees.

## Nguồn chính: Ảnh

Một số quân đội người Mỹ gốc Phi đã chiến đấu ở Cuba. Nhiều người trong số họ là cựu chiến binh của Chiến tranh Ấn Độ ở phương Tây, nơi họ được người Mỹ bản địa gọi là Lính trâu. Ở Cuba, họ được đặt biệt danh là Yankees hun khói.

## THE PHILIPPINE-AMERICAN WAR

As the war closed, Spanish and American diplomats arranged for a peace conference in Paris. They met in October 1898, with the Spanish government committed to regaining control of the Philippines, which they felt were unjustly taken in a war that was solely about Cuban independence. President McKinley was reluctant to relinquish the strategically useful prize of the Philippines. He certainly did not want to give the islands back to Spain, nor did he want another European power to step in to seize them. Neither the Spanish nor the Americans considered giving the islands their independence, since, with the pervasive racism and cultural stereotyping of the day, they believed the Filipino people were not capable of governing themselves. **William Howard Taft**, the first American governor-general to oversee the administration of the new American possession, accurately

## CHIẾN LƯỢC PHILIPPINE-AMERICAN

Khi chiến tranh kết thúc, các nhà ngoại giao Tây Ban Nha và Mỹ đã sắp xếp cho một hội nghị hòa bình ở Paris. Họ gặp nhau vào tháng 10 năm 1898, với chính phủ Tây Ban Nha cam kết giành lại quyền kiểm soát Philippines, điều mà họ cảm thấy đã được thực hiện một cách bất công trong cuộc chiến chỉ duy nhất về độc lập của Cuba. Tổng thống McKinley miễn cưỡng từ bỏ giải thưởng chiến lược hữu ích của Philippines. Anh ta chắc chắn không muốn đưa hòn đảo này trở về Tây Ban Nha, cũng như anh ta không muốn một cường quốc châu Âu khác bước vào nắm bắt chúng. Cả người Tây Ban Nha lẫn người Mỹ đều không coi hòn đảo là sự độc lập của họ, vì, với sự phân biệt chủng tộc phổ biến và sự rập khuôn về văn hóa trong ngày, họ tin rằng người dân Philippines không có khả năng tự cai trị. William Howard Taft, tổng thống Mỹ đầu tiên giám sát chính quyền sở hữu của người Mỹ mới, đã nắm bắt chính xác tình cảm Mỹ với sự tham khảo thường xuyên của ông

captured American sentiments with his frequent reference to Filipinos as “our little brown brothers.”

Philippine revolutionary **Emilio Aguinaldo** refused to exchange Spanish occupation for American and continued the insurrection he had been leading against the Spanish with a fight against the new American invaders. The result was the **Philippine-American War**, or the Filipino Insurrection. It was one of the ugliest wars in American history.



với người Philippines là “anh em da nâu nhỏ của chúng tôi”.

Nhà cách mạng Philippines Emilio Aguinaldo từ chối trao đổi nghề nghiệp Tây Ban Nha cho người Mỹ và tiếp tục cuộc nổi dậy ông đã dẫn đầu chống lại người Tây Ban Nha với một cuộc chiến chống lại những kẻ xâm lược Mỹ mới. Kết quả là cuộc chiến tranh người Mỹ gốc Phi, hoặc cuộc nổi dậy của người Philippines. Đó là một trong những cuộc chiến tranh xấu nhất trong lịch sử nước Mỹ.

### Primary Source: Photograph

This photograph of Emilio Aguinaldo was taken in 1898 at the start of the Spanish-American War. As he grew older he continued to play a vital role in the development of his country.

### Nguồn chính: Ảnh

Bức ảnh này của Emilio Aguinaldo được chụp vào năm 1898 khi bắt đầu Chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha. Khi lớn lên, anh tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước mình.

The Filipinos’ war for independence lasted three years, with over 4,000 American and 20,000 Filipino combatant deaths. The civilian death toll is estimated to be as high as 250,000. Under the rule of the American military, the Philippines remained a war zone with terrible atrocities committed by American troops against Filipino soldiers and civilians alike. Frustrated with a lack of progress, President McKinley turned the Philippines over to a civilian governor. Under Taft’s leadership, Americans built a new transportation infrastructure, hospitals, and schools, hoping to win over the local population. The

Cuộc chiến giành độc lập của Filipinos kéo dài ba năm, với hơn 4.000 người Mỹ và 20.000 người chết chiến binh Philippines. Số người chết dân sự ước tính lên đến 250.000 người. Dưới sự cai trị của quân đội Mỹ, Philippines vẫn là một khu vực chiến tranh với những hành động tàn bạo khủng khiếp của quân đội Mỹ chống lại binh lính Philippines và dân thường. Thất vọng vì thiếu tiến bộ, Tổng thống McKinley đã chuyển Philippines sang một thống đốc dân sự. Dưới sự lãnh đạo của Taft, người Mỹ đã xây dựng một cơ sở hạ tầng giao thông mới, bệnh viện và trường học, hy vọng giành được dân số địa phương. Các phiến quân mất



rebels lost influence, and Aguinaldo was captured by American forces and forced to swear allegiance to the United States.

Taft continued to introduce reforms to modernize and improve daily life for the country despite pockets of resistance that continued to fight through the spring of 1902. Much of the commission's rule centered on legislative reforms to local government structure and national agencies, with the commission offering appointments to resistance leaders in exchange for their support.

The war officially ended on July 2, 1902, with a victory for the United States. However, some Philippine groups led by veterans of the Katipunan continued to battle American forces. Among those leaders was General Macario Sakay, a veteran Katipunan member who assumed the presidency of the proclaimed Tagalog Republic, formed in 1902 after the capture of President Emilio Aguinaldo. Other groups, including the Moro people and Pulahanes people, continued hostilities in remote areas and islands until their final defeat a decade later at the Battle of Bud Bagsak on June 15, 1913.

The occupation by the United States changed the cultural landscape of the islands. English became the primary language of government, education, business, and industry, and increasingly in future decades, of families and educated individuals. The Catholic Church lost its place as the official state religion, although most Filipinos remain Catholic to this day.



ảnh hưởng, và Aguinaldo bị bắt bởi lực lượng Mỹ và buộc phải thề trung thành với Hoa Kỳ.

Taft tiếp tục giới thiệu cải cách để hiện đại hóa và cải thiện cuộc sống hàng ngày cho đất nước mặc dù các túi kháng chiến tiếp tục chiến đấu trong mùa xuân năm 1902. Phần lớn quy tắc của ủy ban tập trung vào cải cách lập pháp cho cơ cấu chính quyền địa phương và các cơ quan quốc gia, để chống lại các nhà lãnh đạo để đổi lấy sự ủng hộ của họ.

Cuộc chiến chính thức kết thúc vào ngày 2 tháng 7 năm 1902, với một chiến thắng cho Hoa Kỳ. Tuy nhiên, một số nhóm người Philippines dẫn đầu bởi các cựu chiến binh của Katipunan tiếp tục chiến đấu với lực lượng Mỹ. Trong số những lãnh đạo đó có Tướng Macario Sakay, một thành viên kỳ cựu của Katipunan, người đã đảm nhận chức tổng thống của nước Cộng hòa Tagalog, được thành lập năm 1902 sau khi Tổng thống Emilio Aguinaldo bắt giữ. Các nhóm khác, bao gồm cả người Moro và người Pulahanes, tiếp tục thù địch ở vùng sâu vùng xa và hải đảo cho đến thất bại cuối cùng của họ một thập kỷ sau đó trong Trận Bud Bagsak vào ngày 15 tháng 6 năm 1913.

Sự chiếm đóng của Hoa Kỳ đã thay đổi cảnh quan văn hóa của các hòn đảo. Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính của chính phủ, giáo dục, kinh doanh và công nghiệp, và ngày càng tăng trong những thập kỷ tương lai, của các gia đình và các cá nhân được giáo dục. Giáo hội Công giáo mất vị trí là quốc giáo chính thức, mặc dù hầu hết người Philippines vẫn theo Công giáo cho đến ngày nay.

## Primary Source: Photograph

Katipunenos, Filipinos who continued the fight against the Americans even after Aguinaldo was captured.

## Nguồn chính: Ảnh

Katipunenos, người Philippines tiếp tục cuộc chiến chống lại người Mỹ ngay cả sau khi Aguinaldo bị bắt.

In 1916, Congress passed the Philippine Autonomy Act, **Jones Act**, that the United States officially promised eventual independence, along with more Philippine control in the meantime over the Philippines. The 1934 Philippine Independence Act created in the following year the Commonwealth of the Philippines, a limited form of independence, and established a process ending in Philippine independence, which was originally scheduled for 1944, but interrupted and delayed by World War II. Finally in 1946, following World War II and the Japanese occupation of the Philippines, the United States granted independence through the **Treaty of Manila**.

## OPPOSITION

Some Americans, notably William Jennings Bryan, **Mark Twain**, Andrew Carnegie, Ernest Crosby, and other members of the American Anti-Imperialist League, strongly objected to the annexation of the Philippines. Anti-imperialist movements claimed that the United States had become a colonial power by replacing Spain as master of the Philippines. Other anti-imperialists opposed annexation on racist grounds. Among these was Senator Benjamin Tillman of South Carolina, who feared that annexation of the Philippines would lead to an influx of non-White immigrants into the United States. As news of atrocities committed in subduing the Philippines arrived in the United States, support for the war flagged. President McKinley and Governor Taft's efforts to end the conflict by exchanging peace for partial self-rule was, in part, due to a loss of public support.

## LEGACY OF THE WARS

The result of the Spanish-American War was the 1898 **Treaty of Paris**, negotiated on terms favorable to the United States. The United States gained several island possessions. Spain turned over **Puerto Rico, Guam**, and the **Philippines** to the United States, for which the United States paid Spain \$20 million. Puerto Rico and Guam remain American territories and the people of those territories are US citizens, although since they are not states, they have no representation in Congress and no vote for president.

The wars marked America's entry into world affairs. Before the Spanish-American War, the United States was characterized by isolationism, an approach to foreign policy that emphasized keeping the affairs of other countries at a distance. Although Americans still disagree about the extent we should play in world affairs, since the Spanish-American War, the United States has had a significant hand in various conflicts around the world, and has entered many treaties and agreements.

Năm 1916, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Tự trị Philippine, Jones Act, rằng Hoa Kỳ chính thức hứa độc lập cuối cùng, cùng với sự kiểm soát của Philippine hơn trong thời gian chờ đợi ở Philippines. Đạo luật Độc lập Philippines năm 1934 được tạo ra trong năm sau Thịnh vượng chung Philippines, một hình thức độc lập hạn chế, và thiết lập một quy trình kết thúc độc lập tại Philippines, ban đầu được lên kế hoạch cho năm 1944, nhưng bị gián đoạn và bị trì hoãn bởi Chiến tranh Thế giới thứ II. Cuối cùng vào năm 1946, sau Thế chiến II và sự chiếm đóng của Nhật Bản ở Philippines, Hoa Kỳ đã độc lập thông qua Hiệp ước Manila.

## SỰ ĐỐI LẬP

Một số người Mỹ, đáng chú ý là William Jennings Bryan, Mark Twain, Andrew Carnegie, Ernest Crosby, và các thành viên khác của Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ, phản đối mạnh mẽ việc sát nhập Philippines. Phong trào chống đế quốc tuyên bố rằng Hoa Kỳ đã trở thành một cường quốc thuộc địa bằng cách thay thế Tây Ban Nha làm chủ nhân của Philippines. Những người chống đế quốc khác phản đối việc sát nhập trên các phân biệt chủng tộc. Trong số này có Thượng nghị sĩ Benjamin Tillman ở Nam Carolina, người lo sợ việc sáp nhập Philippines sẽ dẫn đến một dòng người nhập cư không phải người da trắng vào Hoa Kỳ. Khi tin tức về những hành động tàn bạo trong việc chinh phục Philippines đã đến Hoa Kỳ, ủng hộ cho cuộc chiến tranh bị giảm bớt. Tổng thống McKinley và những nỗ lực của Thống đốc Taft để chấm dứt cuộc xung đột bằng cách trao đổi hòa bình vì tự trị một phần là một phần, do mất sự ủng hộ của công chúng.

## PHÁP LÝ CỦA CHIẾN LƯỢC

Kết quả của cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ là Hiệp ước Paris năm 1898, thương lượng về các điều khoản thuận lợi cho Hoa Kỳ. Hoa Kỳ đã đạt được một số tài sản đảo. Tây Ban Nha đã chuyển sang Puerto Rico, Guam và Philippines sang Hoa Kỳ, trong đó Hoa Kỳ trả 20 triệu đô la Tây Ban Nha. Puerto Rico và Guam vẫn là lãnh thổ của Mỹ và người dân của các lãnh thổ đó là công dân Hoa Kỳ, mặc dù vì họ không phải là tiểu bang, họ không có đại diện trong Quốc hội và không bầu cho tổng thống.

Các cuộc chiến tranh đánh dấu sự tham gia của Mỹ vào các vấn đề thế giới. Trước cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ, Hoa Kỳ được đặc trưng bởi sự cô lập, một cách tiếp cận chính sách đối ngoại nhấn mạnh việc giữ các công việc của các nước khác ở khoảng cách xa. Mặc dù người Mỹ vẫn không đồng ý về mức độ chúng ta nên chơi trong các vấn đề thế giới, kể từ cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ, Hoa Kỳ đã có một bàn tay quan trọng trong các cuộc xung đột khác nhau trên thế giới, và đã tham gia nhiều hiệp ước và hiệp định.



After the Spanish-American War, the United States entered a long and prosperous period of economic and population growth and technological innovation that lasted through the 1920s. The war redefined national identity, served as a solution of sorts to the social divisions plaguing the American mind, and provided a model for future news reporting.

The war also effectively ended the Spanish Empire. Spain had been declining as an imperial power since the early 1800s. Spain retained only a handful of overseas holdings: Spanish West Africa, Spanish Guinea, Spanish Sahara, Spanish Morocco, and the Canary Islands. Never again would Spain be a major player on the world stage.

The United States continued to occupy Cuba at the end of the war. As in the Philippines, reforms were initiated in public administration, and public health agencies were brought under the direction of General Leonard Wood. American doctors Walter Reed and William Gorgas exterminated yellow fever in Cuba and pushed education and other reforms. A constitutional convention called in 1900 set up a Cuban government, and Americans withdrew in 1902.

However, Cuban independence was not without limits. Congress pass the **Platt Amendment** of 1903 which added these stipulations. First, Cuba could make no treaties with other nations without America's consent. The Cuban government could not go into debt beyond its ability to pay. The United States reserved the right to intervene in Cuba to maintain law and order. And, The United States was granted rights to a naval base at Guantanamo Bay. Despite the antagonist relationship the United States has with the Cuban government today, the base at Guantanamo Bay remains in American hands. Because it is not on American soil, it has served as a legally ambiguous place to detain permanently accused terrorists captured in Afghanistan.

## CONCLUSION

The Spanish-American War gave the United States new territory, national pride, and launched the nation into first class status among the leaders of the world. While the reasons for declaring war might have been dubious, the cause of Cuban independence was noble and achieved. The spoils of war – territory won – was seemingly earned.

In the Philippines, the spoils of war were less lustrous. Those who oppose imperialism might see the horrors of the Filipino Insurrection as a just punishment for hubris.

What do you think? Did the United States deserve the outcomes of these two wars?

Sau Chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ, Hoa Kỳ bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế và dân số lâu dài và thịnh vượng và đổi mới công nghệ kéo dài suốt những năm 1920. Cuộc chiến tranh đã xác định lại bản sắc dân tộc, phục vụ như một giải pháp của các loại cho các đơn vị xã hội làm lu mờ tâm trí Mỹ, và cung cấp một mô hình cho báo cáo tin tức trong tương lai.

Cuộc chiến cũng kết thúc hiệu quả Đế quốc Tây Ban Nha. Tây Ban Nha đã suy yếu như một cường quốc từ đầu những năm 1800. Tây Ban Nha chỉ giữ lại một số nắm giữ ở nước ngoài: Tây Ban Nha Tây Phi, Tây Ban Nha Guinea, Tây Ban Nha Sahara, Morocco Tây Ban Nha và Quần đảo Canary. Không bao giờ một lần nữa Tây Ban Nha sẽ là một cầu thủ lớn trên sân khấu thế giới.

Hoa Kỳ tiếp tục chiếm đóng Cuba vào cuối cuộc chiến. Như ở Philippines, các cải cách đã được khởi xướng trong hành chính công, và các cơ quan y tế công cộng đã được đưa dưới sự chỉ đạo của Tướng Leonard Wood. Các bác sĩ người Mỹ Walter Reed và William Gorgas đã tiêu diệt sốt vàng ở Cuba và thúc đẩy giáo dục và các cải cách khác. Một hội nghị hiến pháp được gọi vào năm 1900 đã thiết lập một chính phủ Cuba, và người Mỹ rút lui vào năm 1902.

Tuy nhiên, nền độc lập của Cuba không phải là không có giới hạn. Quốc hội thông qua Sửa đổi Platt năm 1903 đã bổ sung các quy định này. Đầu tiên, Cuba không thể thực hiện các hiệp ước với các quốc gia khác nếu không có sự đồng ý của Mỹ. Chính phủ Cuba không thể mắc nợ vượt quá khả năng thanh toán. Hoa Kỳ bảo lưu quyền can thiệp vào Cuba để duy trì luật pháp và trật tự. Và, Hoa Kỳ đã được trao quyền cho một căn cứ hải quân tại Vịnh Guantanamo. Bất chấp mối quan hệ đối kháng mà Hoa Kỳ có với chính phủ Cuba ngày nay, căn cứ tại Vịnh Guantanamo vẫn nằm trong tay người Mỹ. Bởi vì nó không nằm trên đất Mỹ, nó đã phục vụ như một nơi mơ hồ về mặt pháp lý để giam giữ những kẻ khủng bố bị buộc tội vĩnh viễn bị bắt ở Afghanistan.

## PHẦN KẾT LUẬN

Cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ đã đưa lãnh thổ mới của Hoa Kỳ, niềm tự hào dân tộc, và đưa quốc gia vào trạng thái hạng nhất trong số các nhà lãnh đạo của thế giới. Trong khi những lý do tuyên bố chiến tranh có thể không rõ ràng, nguyên nhân của sự độc lập của Cuba là cao quý và đạt được. Các chiến lợi phẩm chiến tranh - lãnh thổ đã thắng - dường như đã kiếm được.

Ở Philippines, chiến lợi phẩm ít bóng bẩy hơn. Những người phản đối chủ nghĩa đế quốc có thể thấy những nỗi kinh hoàng của cuộc nổi dậy Philippines như là một sự trừng phạt chỉ cho sự lúng túng.

Bạn nghĩ sao? Hoa Kỳ có xứng đáng với kết quả của hai cuộc chiến này không?

## SUMMARY

The United States went to war with Spain in 1898 because of Cuba. Cuba was one of the last Spanish colonies in the Americas. Cubans wanted independence, and some people in the United States were sympathetic to the Cuban cause.

At the time, newspapers were competing with each other to sell more copies. Writers and publishers exaggerated stories and used bold, sensational headlines. A popular topic was Spanish cruelty toward Cubans. After reading such stories, many Americans wanted the United States to intervene in Cuba.

The USS Maine, an American battleship, exploded while visiting Havana, Cuba. It is still unclear why the explosion happened, but Americans blamed the Spanish and demanded war.

As part of the declaration of war, Congress passed a law stating that it would not make Cuba an American colony.

The Spanish-American War was a lopsided victory for the United States. American ships destroyed the Spanish fleet in the Philippines and American troops overran the Spanish troops in Cuba. Theodore Roosevelt became a national hero while leading his men in battle in Cuba.

True to their promise, the United States allowed Cuba to become independent, but passed a law saying that they would intervene if there were problems in Cuba. In this way, Cuba was always mostly, but not entirely independent.

As a result of the war, the United States took control of the Spanish territories of Puerto Rico, Guam and the Philippines.

The Filipinos had also been fighting for independence when the war broke out. Filipino leaders thought that the war would lead to independence the same that it had for Cuba. However, after defeating the Spanish, the Americans stayed. The Filipino freedom fighters began a rebellion against American rule. A bloody conflict resulted.

In the end, Americans captured Emilio Aguinaldo, the leader of the Filipino resistance and the rebellion ended. The Filipinos agreed to a deal in which the Americans maintained control of the country but allowed the Filipinos to make many of their own decisions. The United States kept the Philippines as a colony for about 50 years.

## TÓM LƯỢC

Hoa Kỳ đã chiến tranh với Tây Ban Nha vào năm 1898 vì Cuba. Cuba là một trong những thuộc địa Tây Ban Nha cuối cùng ở châu Mỹ. Người Cuba muốn độc lập, và một số người ở Hoa Kỳ đồng cảm với sự nghiệp Cuba.

Vào thời điểm đó, các tờ báo đang cạnh tranh với nhau để bán nhiều bản sao hơn. Các nhà văn và nhà xuất bản phóng đại những câu chuyện và sử dụng các tiêu đề táo bạo, giật gân. Một chủ đề phổ biến là sự tàn ác của Tây Ban Nha đối với người Cuba. Sau khi đọc những câu chuyện như vậy, nhiều người Mỹ muốn Hoa Kỳ can thiệp vào Cuba.

USS Maine, một tàu chiến Mỹ, đã phát nổ khi đến thăm Havana, Cuba. Hiện vẫn chưa rõ lý do tại sao vụ nổ xảy ra, nhưng người Mỹ đổ lỗi cho Tây Ban Nha và yêu cầu chiến tranh.

Là một phần của tuyên bố chiến tranh, Quốc hội đã thông qua một đạo luật tuyên bố rằng nó sẽ không biến Cuba thành thuộc địa của Mỹ.

Chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha là một chiến thắng thất bại của Hoa Kỳ. Các tàu Mỹ đã phá hủy hạm đội Tây Ban Nha ở Philippines và quân đội Mỹ tràn ngập quân đội Tây Ban Nha ở Cuba. Theodore Roosevelt trở thành anh hùng dân tộc khi lãnh đạo người của mình trong trận chiến ở Cuba.

Đúng như lời hứa của họ, Hoa Kỳ cho phép Cuba độc lập, nhưng đã thông qua luật nói rằng họ sẽ can thiệp nếu có vấn đề ở Cuba. Theo cách này, Cuba luôn chủ yếu, nhưng không hoàn toàn độc lập.

Do hậu quả của cuộc chiến, Hoa Kỳ đã giành quyền kiểm soát các vùng lãnh thổ Puerto Rico, đảo Guam và Philippines của Tây Ban Nha.

Người Philippines cũng đã chiến đấu để giành độc lập khi chiến tranh nổ ra. Các nhà lãnh đạo Philippines nghĩ rằng chiến tranh sẽ dẫn đến độc lập giống như đã từng xảy ra đối với Cuba. Tuy nhiên, sau khi đánh bại người Tây Ban Nha, người Mỹ đã ở lại. Các chiến binh tự do Philippines đã bắt đầu một cuộc nổi loạn chống lại sự cai trị của Mỹ. Một cuộc xung đột đẫm máu đã dẫn đến.

Cuối cùng, người Mỹ đã bắt Emilio Aguinaldo, thủ lĩnh của cuộc kháng chiến Philippines và cuộc nổi dậy chấm dứt. Người Philippines đã đồng ý một thỏa thuận trong đó người Mỹ duy trì quyền kiểm soát đất nước nhưng cho phép người Philippines đưa ra nhiều quyết định của riêng họ. Hoa Kỳ giữ Philippines như một thuộc địa trong khoảng 50 năm.



### KEY CONCEPTS

**Remember the Maine:** Rallying cry during the Spanish-American War.

**Splendid Little War:** Nickname for the Spanish-American War.



### LOCATIONS

**Cuba:** Island nation just south of Florida that was a Spanish colony until the United States secured its independence in the Spanish-American War.

**Havana:** Capital city of Cuba.

**Puerto Rico:** Island in the Caribbean won by the United States from Spain in the Spanish-American War. It remains an American territory.

**Guam:** Island in Micronesia won by the United States from Spain in the Spanish-American War. It remains an American territory.

**Philippines:** Island nation in Asia won by the United States from Spain in the Spanish-American War. It was granted independence in 1946.



### TREATIES & LAWS

**Teller Amendment:** Amendment to the declaration of war against Spain in 1898 that state that the United States would not annex Cuba.

**Jones Act:** 1916 law that promised independence for the Philippines

**Treaty of Manila:** Treaty that officially granted the Philippines independence in 1946.

**Treaty of Paris of 1898:** Treaty that ended the Spanish-American War and granted the United States control of Puerto Rico, Guam and the Philippines.

**Platt Amendment:** Law passed in 1903 in which the United States claimed the right to intervene in Cuban affairs, to maintain a naval base at Guantanamo, and limited the freedom of Cuba to make treaties without American consent.



### PEOPLE AND GROUPS

**José Martí:** Cuban poet and leader of the Cuban independence movement.

**George Dewey:** American naval commander at the Battle of Manila Bay during the Spanish-American War.

**Rough Riders:** Nickname for Theodore Roosevelt's cavalry regiment in Cuba during the Spanish-American War.

**Smoked Yankees:** Nickname for African-American troops during the Spanish-American War.

**William Howard Taft:** American governor of the Philippines after the Spanish-American War and later president of the United States.

**Emilio Aguinaldo:** Leader of the Philippine independence movement who fought both the Spanish and the United States.

**Mark Twain:** American author of such books as Tom Sawyer and Huckleberry Finn and famous anti-imperialist.



### EVENTS

**Explosion of the USS Maine:** Event that cause the United States to declare war on Spain in 1898.

**Spanish-American War:** 1898 conflict with Spain in which the United States won control of Puerto Rico, Guam, the Philippines, and also won independence for Cuba.

**Battle of Manila Bay:** Naval encounter between American and Spanish ships in the Philippines during the Spanish-American War. It was a total victory for the United States.

**Philippine-American War:** Conflict between the American army and Philippine independence fighters after the Spanish-American War.



### SHIPS

**USS Maine:** American battleship that exploded mysteriously in Havana Harbor. The explosion was the catalyst for the Spanish-American War.



# 3

## T H I R D Q U E S T I O N HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

Did the IMPERIALIST ERA  
**EXPAND** or **BETRAY**  
America's FOUNDING IDEALS?

### INTRODUCTION

At the conclusion of his presidency, George Washington warned his countrymen to avoid entanglements with foreign nations. He feared that the new nation might be overwhelmed by other countries' problems. A little less than 100 years later the United States was a very different place. No longer a fledgling nation, the nation had grown to be an economic powerhouse fed by waves of immigrants that successfully spread from sea to shining sea.

Many Americans felt that Washington's ideas no longer applied. They felt confident to project power in distant lands, especially after success in the Spanish-American War.

But, how should the country spread its influence? Three presidents, Theodore Roosevelt, William Taft, and Woodrow Wilson all offered different answers to that question. One, based on the threat of force, one based on the use of money, and the last on an appeal to morality.

What do you think? How should America project its power around the world?

### GIỚI THIỆU

Khi kết thúc nhiệm kỳ tổng thống của mình, George Washington cảnh báo các đồng hương của mình để tránh vướng mắc với các quốc gia nước ngoài. Ông lo ngại rằng quốc gia mới có thể bị choáng ngợp bởi các vấn đề của các nước khác. Ít hơn 100 năm sau, Hoa Kỳ là một nơi rất khác biệt. Không còn là một quốc gia non trẻ, quốc gia này đã phát triển thành một cường quốc kinh tế được nuôi dưỡng bởi những người nhập cư lan truyền từ biển này sang biển khác.

Nhiều người Mỹ cảm thấy rằng ý tưởng của Washington không còn áp dụng nữa. Họ cảm thấy tự tin để dự án quyền lực ở những vùng đất xa xôi, đặc biệt là sau khi thành công trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ.

Nhưng, đất nước nên lan truyền ảnh hưởng của nó như thế nào? Ba tổng thống, Theodore Roosevelt, William Taft và Woodrow Wilson đều đưa ra những câu trả lời khác nhau cho câu hỏi đó. Một, dựa trên các mối đe dọa của lực lượng, một dựa trên việc sử dụng tiền, và cuối cùng trên một kháng cáo cho đạo đức.

Bạn nghĩ sao? Mỹ nên dự đoán sức mạnh của nó trên toàn thế giới như thế nào?



#### EUROPEANS IN CHINA

Since the journeys of Marco Polo and Christopher Columbus, many Westerners have dreamt making their fortunes in China. With the defeat of the Spanish and the addition of the Philippines as a base for American ports and coaling stations, American businesses were ready to make that myth a reality. Although China originally accounted for only a small percentage of American foreign trade, captains of American industry dreamed of a vast market of Asian customers desperate for manufactured goods they could not yet produce in large quantities for themselves.

American businesses were not alone in seeing the opportunities. Other countries, including Japan, Russia, Great Britain, France, and Germany also hoped to make inroads in China. Earlier treaties between Great Britain and China in 1842 and 1844 when the British Empire coerced the Chinese to accept the import of Indian opium in exchange for its tea, had forced China to give all foreign nations free and equal access to Chinese ports.

This was at a time when Great Britain maintained the strongest economic relationship with China. However, other western nations used the new arrangement to send Christian missionaries who began to work across inland China. In 1895, Japan successfully defeated Chinese troops on the battlefield and China lost its claims to Korea. By 1897, Germany had obtained exclusive mining rights in northern coastal China as reparations for the murder of two German missionaries. In 1898, Russia obtained permission to build a railroad across northeastern Manchuria. One by one, each country carved out their own **sphere of influence**, where they could control markets through tariffs and transportation, and thus ensure their share of the Chinese market.

#### THE OPEN DOOR POLICY

Alarmed by the pace at which foreign powers were dividing China into pseudo-territories, and worried that they had no significant piece for themselves, the United States government intervened. In contrast to European nations, however, American businesses wanted the whole market, not just a share of it. They wanted to do business in China with no artificially constructed spheres or boundaries to limit the extent of their trade.

In 1899, Secretary of State **John Hay** made a bold move to acquire China's vast markets for American access by introducing the **Open Door Policy**. His policy, if agreed to by the other five nations maintaining spheres of influences in China, would erase all spheres and essentially

#### EUROPEANS TẠI TRUNG QUỐC

Từ những chuyến đi của Marco Polo và Christopher Columbus, nhiều người phương Tây đã mơ ước tạo ra vận mệnh của mình ở Trung Quốc. Với sự thất bại của người Tây Ban Nha và việc bổ sung Philippines làm cơ sở cho các cảng và trạm than của Mỹ, các doanh nghiệp Mỹ đã sẵn sàng biến huyền thoại đó thành hiện thực. Mặc dù Trung Quốc ban đầu chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong thương mại nước ngoài của Mỹ, các đội trưởng của ngành công nghiệp Mỹ mơ ước một thị trường rộng lớn của các khách hàng châu Á tuyệt vọng đối với hàng hóa sản xuất mà họ chưa thể sản xuất với số lượng lớn cho chính họ.

Các doanh nghiệp Mỹ không đơn độc khi nhìn thấy cơ hội. Các nước khác, bao gồm Nhật Bản, Nga, Anh, Pháp và Đức cũng hy vọng sẽ xâm nhập vào Trung Quốc. Các hiệp ước trước đó giữa Anh và Trung Quốc vào năm 1842 và 1844 khi Đế quốc Anh ép buộc Trung Quốc chấp nhận việc nhập khẩu thuốc phiện của Ấn Độ để đổi lấy trà, buộc Trung Quốc phải cung cấp cho tất cả các quốc gia nước ngoài quyền tự do và bình đẳng vào các cảng Trung Quốc.

Đó là vào thời điểm Vương quốc Anh duy trì mối quan hệ kinh tế mạnh mẽ nhất với Trung Quốc. Tuy nhiên, các quốc gia phương Tây khác đã sử dụng sự sắp xếp mới để gửi các nhà truyền giáo Kitô giáo bắt đầu làm việc trên khắp Trung Quốc. Năm 1895, Nhật Bản đã đánh bại thành công quân đội Trung Quốc trên chiến trường và Trung Quốc mất yêu sách với Triều Tiên. Đến năm 1897, Đức đã giành được quyền khai thác độc quyền ở vùng duyên hải phía bắc Trung Quốc như là sự đền bù cho vụ giết hai nhà truyền giáo Đức. Năm 1898, Nga đã xin phép xây dựng tuyến đường sắt xuyên Đông Bắc Mãn Châu. Từng người một, mỗi quốc gia khắc ra phạm vi ảnh hưởng của riêng họ, nơi họ có thể kiểm soát thị trường thông qua thuế quan và giao thông vận tải, và do đó đảm bảo thị phần của họ trên thị trường Trung Quốc.

#### CHÍNH SÁCH CỬA MỞ

Báo động bởi tốc độ mà tại đó các cường quốc nước ngoài đã phân chia Trung Quốc thành các lãnh thổ giả, và lo lắng rằng họ không có phần quan trọng nào cho chính họ, chính phủ Hoa Kỳ đã can thiệp. Trái ngược với các nước châu Âu, tuy nhiên, các doanh nghiệp Mỹ muốn toàn bộ thị trường, không chỉ là một phần của nó. Họ muốn làm kinh doanh tại Trung Quốc mà không có các lĩnh vực hoặc ranh giới được xây dựng nhân tạo để hạn chế mức độ buôn bán của họ.

Năm 1899, Ngoại trưởng John Hay đã có động thái táo bạo để tiếp thu các thị trường rộng lớn của Trung Quốc để tiếp cận Mỹ bằng cách giới thiệu Chính sách cửa mở. Chính sách của ông, nếu được 5 nước khác duy trì ảnh hưởng ở Trung Quốc, sẽ xóa tất cả các lĩnh vực và về cơ bản mở tất cả các cửa để tự do thương mại, không có thuế quan đặc biệt hoặc kiểm soát giao

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

open all doors to free trade, with no special tariffs or transportation controls that might give unfair advantages to one country over another.

While on paper, the Open Door Policy would offer equal access to all, the reality was that it greatly favored the United States. Free trade in China would give American businesses the ultimate advantage, as American companies were producing higher-quality goods than other countries, and were doing so more efficiently and less expensively. The United States could flood the Chinese market with American goods, virtually squeezing other countries out of the market.



Although the foreign ministers of the other five nations sent half-hearted replies on behalf of their respective governments, with some outright denying the viability of the policy, Hay proclaimed it the new official policy on China, and American goods were unleashed throughout the nation. China was quite welcoming of the American policy, as they also stressed the United States commitment to preserving the Chinese government and territorial integrity.

The policy was invoked barely a year later, when a group of Chinese insurgents, the Righteous and Harmonious Fists, known better in the West as the **Boxer Rebellion**, fought to expel all western nations and their influences from China. The United States, along with Great Britain and Germany, sent 2,000 troops to withstand the rebellion. The troops signified American commitment to the territorial integrity of China, albeit one flooded with American products. Despite subsequent efforts, by Japan in particular, to undermine Chinese authority in 1915 and again during the Manchurian crisis of 1931, the United States remained resolute in defense of the open door principles.

thông có thể mang lại lợi thế không công bằng cho một quốc gia khác.

Trong khi trên giấy, Chính sách mở cửa sẽ cung cấp quyền truy cập bình đẳng cho tất cả, thực tế là nó rất có lợi cho Hoa Kỳ. Thương mại tự do ở Trung Quốc sẽ mang lại lợi ích tối ưu cho các doanh nghiệp Mỹ, khi các công ty Mỹ sản xuất hàng hóa chất lượng cao hơn các nước khác, và đang làm việc hiệu quả hơn và ít tốn kém hơn. Hoa Kỳ có thể tràn ngập thị trường Trung Quốc với hàng hóa của Mỹ, hầu như ép các nước khác ra khỏi thị trường.

#### Primary Source: Editorial Cartoon

Uncle Sam holds the Open Door Policy as he dictates to the European powers who hold scissors ready to divide up China into spheres of influence.

#### Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Chú Sam nắm giữ Chính sách mở cửa khi ông ra lệnh cho các cường quốc châu Âu, những người cầm kéo sẵn sàng chia rẽ Trung Quốc thành các phạm vi ảnh hưởng.

Mặc dù các bộ trưởng ngoại giao của năm quốc gia khác đã gửi những câu trả lời nửa vời thay mặt chính phủ của họ, với một số hoàn toàn phủ nhận tính khả thi của chính sách, Hay tuyên bố chính sách mới chính thức về Trung Quốc và hàng hóa của Mỹ đã được tung ra trên toàn quốc. Trung Quốc đã khá chào đón chính sách của Mỹ, vì họ cũng nhấn mạnh cam kết của Hoa Kỳ để bảo tồn chính phủ Trung Quốc và toàn vẹn lãnh thổ.

Chính sách này được triệu tập một năm sau đó, khi một nhóm nổi dậy Trung Quốc, những người nắm quyền và hài hòa, được biết đến tốt hơn ở phương Tây là cuộc nổi loạn Boxer, đã chiến đấu để trục xuất tất cả các quốc gia phương Tây và ảnh hưởng của họ từ Trung Quốc. Hoa Kỳ, cùng với Anh và Đức, đã gửi 2.000 quân để chống lại cuộc nổi dậy. Quân đội đã biểu thị cam kết của Mỹ đối với tính toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc, mặc dù một người bị ngập lụt với các sản phẩm của Mỹ. Bất chấp những nỗ lực tiếp theo, đặc biệt là Nhật Bản, để làm suy yếu quyền lực của Trung Quốc vào năm 1915 và một lần nữa trong cuộc khủng hoảng Manchurian năm 1931, Hoa Kỳ vẫn kiên quyết trong việc bảo vệ các nguyên tắc mở cửa.

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

Only when China turned to communism in 1949 following an intense civil war did the Open Door Policy become relatively meaningless. However, for nearly half a century, United States military involvement and a continued relationship with the Chinese government cemented their roles as preferred trading partners, illustrating how the country used economic power, as well as military might, to grow its empire.



Chỉ khi Trung Quốc quay sang chủ nghĩa cộng sản vào năm 1949 sau một cuộc nội chiến căng thẳng thì chính sách mở cửa trở nên tương đối vô nghĩa. Tuy nhiên, trong gần nửa thế kỷ, sự tham gia của quân đội Hoa Kỳ và mối quan hệ liên tục với chính phủ Trung Quốc đã củng cố vai trò của họ như là các đối tác thương mại ưa thích, minh họa cách đất nước sử dụng quyền lực kinh tế cũng như quân sự.

#### Primary Source: Photograph

International troops stand in the square in front of the Forbidden City in Beijing during the Boxer Rebellion.

#### Nguồn chính: Ảnh

Quân đội quốc tế đứng ở quảng trường trước Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh trong cuộc nổi loạn Boxer.

#### ROOSEVELT'S BIG STICK

While President McKinley ushered in the era of the American empire through military strength and economic coercion, his successor, Theodore Roosevelt, established a new foreign policy approach, allegedly based on a favorite African proverb, “speak softly, and carry a **big stick**, and you will go far.” At the crux of his foreign policy was a coercion by threat. Roosevelt believed that in light of the country’s recent military successes, it was unnecessary to use force to achieve foreign policy goals, so long as the military could threaten force. In other words, the United States could get its way so long as foreigners were afraid of what might happen if they refused.

Roosevelt believed that while the coercive power wielded by the United States could be harmful in the wrong hands, the Western Hemisphere’s best interests were also the best interests of the United States. He felt, in short, that the United States had the right and the obligation to be the policeman in North and South America.

#### ROOSEVELT DẠNG LỚN STICK

Trong khi Tổng thống McKinley mở ra kỷ nguyên của đế chế Mỹ thông qua sức mạnh quân sự và sự ép buộc kinh tế, người kế nhiệm của ông, Theodore Roosevelt, đã thiết lập một cách tiếp cận chính sách đối ngoại mới, được cho là dựa trên một câu tục ngữ yêu thích của người châu Phi, nói chuyện nhẹ nhàng và mang theo một cây gậy lớn bạn sẽ đi xa. Ở điểm mấu chốt của chính sách đối ngoại của ông là một sự ép buộc bởi mối đe dọa. Roosevelt tin rằng dưới ánh sáng của đất nước, những thành công quân sự gần đây, không cần thiết phải sử dụng vũ lực để đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại, miễn là quân đội có thể đe dọa lực lượng. Nói cách khác, Hoa Kỳ có thể đi được chừng nào người nước ngoài sợ điều gì có thể xảy ra nếu họ từ chối.

Roosevelt tin rằng trong khi sức mạnh cưỡng chế do Hoa Kỳ nắm giữ có thể gây hại trong tay kẻ xấu, thì lợi ích tốt nhất của Tây bán cầu cũng là lợi ích tốt nhất của Hoa Kỳ. Nói tóm lại, ông cảm thấy rằng Hoa Kỳ có quyền và nghĩa vụ là cảnh sát ở Bắc và Nam Mỹ.



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

To demonstrate the nation's military might – the big stick – President Roosevelt sent the navy on a round-the-world voyage between 1907 and 1909. Officially a cruise of friendship, the ships' hulls were painted white to show America's peaceful intent. However, the message of the **Great White Fleet** was clear. America was a powerful nation with the ability project its military power anywhere on earth. The 16 battleships and various escorts made Roosevelt's point better than any speech ever could.

Để chứng minh sức mạnh quân sự của quốc gia - cây gậy lớn - Tổng thống Roosevelt đã gửi cho hải quân trong một chuyến đi vòng quanh thế giới giữa năm 1907 và 1909. Chính thức là một hành trình của tình bạn, các tàu vỏ tàu được sơn màu trắng để thể hiện ý định hòa bình của nước Mỹ. Tuy nhiên, thông điệp của Hạm đội Great White đã rõ ràng. Mỹ là một quốc gia hùng mạnh với khả năng dự án sức mạnh quân sự ở bất cứ nơi nào trên trái đất. 16 thiết giáp hạm và nhiều tàu hộ tống khác nhau đã khiến Roosevelt Hay ghi điểm tốt hơn bất kỳ bài phát biểu nào có thể.

#### Primary Source: Editorial Cartoon

President Theodore Roosevelt carries his big stick as he stomps around the Caribbean Sea, pulling his navy behind him.

#### Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Tổng thống Theodore Roosevelt mang theo cây gậy lớn của mình khi anh dậm chân quanh Biển Caribe, kéo hải quân của mình ra sau lưng.



#### THE PANAMA CANAL

One of the great impediments to world trade had always been the fact that North and South America are connected, thus preventing ships from easily passing between the Atlantic and Pacific Oceans. This narrow strip of land, the isthmus of Central American was the subject of various schemes. After gold was discovered in California in 1858, the Panama Railway was established to carry 49ers across the isthmus. The French attempted to construct a canal. Begun in 1881, their project failed due to a combination of financial crises and health hazards, including malaria and yellow fever, which led to the deaths of thousands of French workers. Upon becoming president in 1901, Roosevelt was determined to succeed where others had failed. He resolved to build what the world now calls the **Panama Canal**.

The best point for the construction of a canal was across the 50-mile-wide isthmus of Panama, which, at the turn of the century, was part of

#### THE PANAMA CANAL

Một trong những trở ngại lớn đối với thương mại thế giới luôn là thực tế là Bắc và Nam Mỹ được kết nối, do đó ngăn chặn tàu dễ dàng đi qua giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Dải đất hẹp này, eo đất của Trung Mỹ là chủ đề của nhiều đề án khác nhau. Sau khi vàng được phát hiện ở California vào năm 1858, Đường sắt Panama được thành lập để chở 49 người qua eo đất. Người Pháp đã cố gắng xây dựng một con kênh. Bắt đầu vào năm 1881, dự án của họ thất bại do sự kết hợp của khủng hoảng tài chính và các mối nguy hiểm cho sức khỏe, bao gồm sốt rét và sốt vàng, dẫn đến cái chết của hàng ngàn công nhân Pháp. Khi trở thành tổng thống năm 1901, Roosevelt quyết tâm thành công khi những người khác thất bại.

Điểm tốt nhất cho việc xây dựng một con kênh nằm trên eo đất rộng 50 dặm của Panama, mà vào cuối thế kỷ này, là một phần của quốc gia Colombia.



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

the nation of Colombia. Roosevelt negotiated with the government of Colombia, sometimes threatening to take the project away and build through Nicaragua, until Colombia agreed to a treaty that would grant the United States a lease on the land across Panama in exchange for a payment of \$10 million and an additional \$250,000 annual rental fee. The matter was far from settled, however. The Colombian people were outraged over the loss of their land to the United States, and saw the payment as far too low. Influenced by the public outcry, the Colombian Senate rejected the treaty and informed Roosevelt there would be no canal.



Roosevelt đã đàm phán với chính phủ Colombia, đôi khi đe dọa đưa dự án đi và xây dựng qua Nicaragua, cho đến khi Colombia đồng ý với một hiệp ước sẽ cho Hoa Kỳ thuê đất trên khắp Panama để đổi lấy khoản tiền 10 triệu đô la và thêm \$ 250,000 tiền thuê hàng năm. Tuy nhiên, vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Người dân Colombia bị xúc phạm vì mất đất ở Hoa Kỳ, và thấy khoản thanh toán quá thấp. Bị ảnh hưởng bởi sự phản đối kịch liệt của công chúng, Thượng viện Colombia đã từ chối hiệp ước và thông báo cho Roosevelt rằng sẽ không có kênh.

#### Primary Source: Photograph

The massive effort to dig the Panama Canal is evident in this photograph showing rail lines carrying millions of tons of dirt and rock out of the man-made canyons that would eventually be flooded to form the canal.

#### Nguồn chính: Ảnh

Nỗ lực lớn để đào kênh Panama được thể hiện rõ trong bức ảnh này cho thấy các tuyến đường sắt chở hàng triệu tấn đất và đá ra khỏi các hẻm núi nhân tạo cuối cùng sẽ bị ngập để tạo thành kênh.

Undaunted, Roosevelt chose to wield the big stick. In comments to journalists, he made it clear that the United States would strongly support the Panamanian people should they choose to revolt against Colombia and form their own nation. In November 1903, he sent American battleships to the coast of Colombia, ostensibly for practice maneuvers, as Panamanian business leaders who stood to benefit from the American canal effort led a revolution against Colombian rule.

Không được nản lòng, Roosevelt đã chọn sử dụng cây gậy lớn. Trong bình luận với các nhà báo, ông đã nói rõ rằng Hoa Kỳ sẽ ủng hộ mạnh mẽ cho người dân Panama nếu họ chọn để chống lại Colombia và hình thành quốc gia của họ. Vào tháng 11 năm 1903, ông gửi các thiết giáp hạm của Mỹ đến bờ biển Colombia, có vẻ bề ngoài cho các cuộc tập trận thực hành, khi các nhà lãnh đạo kinh doanh của Panama đứng lên vì lợi ích từ nỗ lực của kênh Mỹ đã dẫn đầu một cuộc cách mạng chống lại chính quyền Colombian.

The warships effectively blocked Colombia from moving additional troops into the region to quell the growing Panamanian uprising. Within a week, Roosevelt recognized the new country of Panama, welcoming them to the world community and offering them the same terms he had previously offered Colombia. It was a clear, and successful, wielding of the big stick. Roosevelt never fired a shot but

Các tàu chiến đã ngăn chặn Colombia ngăn không cho binh lính bổ sung vào khu vực này để dập tắt cuộc nổi dậy của người Panama ngày càng tăng. Trong vòng một tuần, Roosevelt đã công nhận đất nước mới của Panama, chào đón họ đến với cộng đồng thế giới và cung cấp cho họ những điều khoản tương tự mà trước đây ông đã cung cấp cho Colombia. Đó là một điều rõ ràng, và thành công, cầm cây gậy lớn. Roosevelt không bao giờ bắn một phát đạn nào

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

got is way because American battleships made it clear what would happen if the Columbians resisted.

Construction on the canal began in 1904. For the first year of operations, the United States worked primarily to build adequate housing, cafeterias, warehouses, machine shops, and other elements of infrastructure that previous French efforts had failed to consider. Most importantly, the lives of workers were protected with the introduction of fumigation systems and mosquito nets following **Dr. Walter Reed's** discovery of the role of mosquitoes in the spread of malaria and yellow fever.

nhưng có được là vì các thiết giáp hạm Mỹ đã làm rõ điều gì sẽ xảy ra nếu người dân Colombia chống cự.

Xây dựng trên kênh bắt đầu vào năm 1904. Trong năm đầu tiên hoạt động, Hoa Kỳ đã làm việc chủ yếu để xây dựng nhà ở, nhà ăn, kho hàng, cửa hàng máy móc và các yếu tố cơ sở hạ tầng khác mà những nỗ lực trước đó của Pháp đã không xem xét. Quan trọng nhất, cuộc sống của người lao động được bảo vệ bằng việc giới thiệu các hệ thống khử trùng và màn chống muỗi sau khi phát hiện ra vai trò của muỗi trong sự lây lan của bệnh sốt rét và sốt vàng.

#### Primary Source: Photograph

Never one to miss a photo opportunity, President Roosevelt took the controls at a steam shovel while touring the Panama Canal during its construction.

#### Nguồn chính: Ảnh

Không bao giờ bỏ lỡ cơ hội chụp ảnh, Tổng thống Roosevelt đã điều khiển chiếc xẻng hơi nước trong khi tham quan Kênh đào Panama trong quá trình xây dựng.



At the same time, a new wave of American engineers planned for the construction of the canal. Even though they decided to build a lock-system rather than a sea-level canal, workers still had to excavate over

Đồng thời, một làn sóng mới của các kỹ sư người Mỹ đã lên kế hoạch xây dựng kênh đào. Mặc dù họ đã quyết định xây dựng một hệ thống khóa thay vì một con kênh ở mực nước biển, công nhân vẫn phải khai quật trên 170 triệu thước khối đất bằng việc sử dụng

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

170 million cubic yards of earth with the use of over one hundred new rail-mounted steam shovels. Excited by the work, Roosevelt became the first sitting United States president to leave the country while in office when he traveled to Panama where he visited the construction site, taking a turn at the steam shovel and removing dirt. The canal opened in 1914, permanently changing world trade and military defense patterns.

#### THE ROOSEVELT COROLLARY

With the construction of the canal underway, Roosevelt wanted to send a clear message to the rest of the world, and in particular to his European counterparts, that the colonization of the Western Hemisphere had ended, and their interference in the countries there would no longer be tolerated.

At the same time, he sent a message to his counterparts in Central and South America, should the United States see problems erupt in the region, that it would intervene in order to maintain peace and stability throughout the hemisphere.

Roosevelt articulated this seeming double standard in a 1904 address before Congress, in a speech that became known as the **Roosevelt Corollary**. The Roosevelt Corollary was based on the original Monroe Doctrine, which warned European nations to stay out of the business of the nations of the Americas. In this addition, Roosevelt states that the United States would use military force “as an international police power” to correct any “chronic wrongdoing” by any Latin American nation that might threaten stability in the region. Unlike the Monroe Doctrine, which proclaimed an American policy of noninterference with its neighbors’ affairs, the Roosevelt Corollary loudly proclaimed the right and obligation of the United States to involve itself whenever necessary.

Roosevelt put the new corollary to work in Cuba, Panama, the Dominican Republic and Colombia. Later presidents including Franklin Roosevelt softened American rhetoric regarding United States domination of the Western Hemisphere proclaiming a new **Good Neighbor Policy** that renounced American intervention in other nations’ affairs. However, subsequent presidents would continue to reference aspects of the Roosevelt Corollary to justify American involvement in Haiti, Nicaragua, and other nations.

Latin Americans have long resented what they perceive as American arrogance and unfair and unwanted interference in their affairs. In the eyes of many of America’s southern neighbors, a powerful military does not give the United States the right to meddle.

hơn một trăm cái xẻng hơi nước bằng sắt mới. Vui mừng bởi công việc, Roosevelt trở thành tổng thống Hoa Kỳ ngồi đầu tiên rời khỏi đất nước trong khi ở văn phòng khi ông đi đến Panama, nơi ông đến thăm công trường xây dựng, rẽ vào cái xẻng hơi nước và loại bỏ bụi bẩn. Kênh mở cửa vào năm 1914, vĩnh viễn thay đổi mô hình quốc phòng và thương mại quốc phòng.

#### MỤC TIÊU ROOSEVELT

Với việc xây dựng con kênh đang được tiến hành, Roosevelt muốn gửi một thông điệp rõ ràng đến phần còn lại của thế giới, và đặc biệt đối với các đối tác châu Âu của mình, rằng việc thực dân Tây bán cầu đã kết thúc và sự can thiệp của họ ở các nước sẽ không còn nữa được dung thứ.

Đồng thời, ông đã gửi một tin nhắn cho các đối tác của mình ở Trung và Nam Mỹ, nếu Hoa Kỳ thấy các vấn đề nổ ra trong khu vực, rằng nó sẽ can thiệp để duy trì hòa bình và ổn định trên khắp bán cầu.

Roosevelt đã nêu rõ tiêu chuẩn này dường như gấp đôi trong một địa chỉ 1904 trước Quốc hội, trong một bài phát biểu được gọi là Roosevelt Corollary. Hệ thống Roosevelt Corollary dựa trên cuốn Monroe Doctrine nguyên bản, cảnh báo các quốc gia châu Âu tránh xa hoạt động kinh doanh của các quốc gia châu Mỹ. Ngoài ra, Roosevelt nói rằng Hoa Kỳ sẽ sử dụng lực lượng quân sự “như một lực lượng cảnh sát quốc tế” để sửa bất kỳ “hành vi sai trái mãn tính” nào của bất kỳ quốc gia Mỹ Latinh nào có thể đe dọa sự ổn định trong khu vực. Không giống như Học thuyết Monroe, đã tuyên bố một chính sách không liên quan đến Mỹ với các vấn đề của hàng xóm, Roosevelt Corollary đã tuyên bố quyền và nghĩa vụ của Hoa Kỳ liên quan đến chính nó bất cứ khi nào cần thiết.

Roosevelt đặt hệ quả mới để làm việc ở Cuba, Panama, Cộng hòa Dominica và Colombia. Những vị tổng thống sau đó, kể cả Franklin Roosevelt làm dịu lời hùng biện của Hoa Kỳ về sự thống trị của Hoa Kỳ về Tây bán cầu tuyên bố một Chính sách Hàng xóm Tốt mới đã từ bỏ sự can thiệp của Mỹ vào các vấn đề của các quốc gia khác. Tuy nhiên, các tổng thống tiếp theo sẽ tiếp tục tham khảo các khía cạnh của Roosevelt Corollary để biện minh cho sự tham gia của Mỹ ở Haiti, Nicaragua và các quốc gia khác.

Người Mỹ Latinh từ lâu đã phẫn nộ những gì họ nhận thức là sự kiêu ngạo của Mỹ và sự can thiệp không công bằng và không mong muốn trong công việc của họ. Trong con mắt của nhiều láng giềng miền Nam nước Mỹ, một quân đội hùng mạnh không cho phép Hoa Kỳ có quyền can thiệp.



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

#### THE RUSSO-JAPANESE WAR

Although he supported the Open Door Policy as an excellent economic policy in China, Roosevelt lamented the fact that the United States had no strong military presence in the region to enforce it. Clearly, without a military presence there, he could not as easily use his big stick threat credibly to achieve his foreign policy goals. As a result, when conflicts did arise on the other side of the Pacific, Roosevelt adopted a policy of maintaining a balance of power among the nations there. This was particularly evident when the **Russo-Japanese War** erupted in 1904.

In 1904, angered by the massing of Russian troops along the Manchurian border in China, and the threat it represented to the region, Japan launched a surprise naval attack on the Russian fleet. Initially, Roosevelt supported the Japanese position. However, when the Japanese fleet quickly achieved victory after victory, Roosevelt grew concerned over the growth of Japanese influence in the region and the continued threat that it represented to China and American access to those markets. It was better for America to have Russia and Japan as equals balancing each other out.

Wishing to maintain a balance of power, Roosevelt arranged for diplomats from both nations to attend a secret peace conference. The negotiations secured peace in the region, with Japan gaining control over Korea, several former Russian bases in Manchuria, and the southern half of Sakhalin Island. For his role in resolving the conflict, Roosevelt was awarded the Nobel Peace Prize, the first American to receive the award.

#### TAFT'S DOLLAR DIPLOMACY

When William Howard Taft became president in 1909, he chose to adapt Roosevelt's foreign policy philosophy to one that reflected American economic power at the time. In what became known as **Dollar Diplomacy**, Taft announced his decision to "substitute dollars for bullets" in an effort to use foreign policy to secure markets and opportunities for American businessmen. Not unlike Roosevelt's threat of force, Taft used the threat of American economic clout to coerce countries into agreements to benefit the United States.

Of key interest to Taft was the debt that several Central American nations still owed to countries in Europe. Fearing that the Europeans might use the debts as leverage to use military intervention in the Western Hemisphere, Taft paid off the debts with American dollars. Of course, this move made the Central American countries indebted to the United States instead of the Europeans.

#### Cuộc chiến tranh Nga-Nhật Bản

Mặc dù ông ủng hộ Chính sách mở cửa như một chính sách kinh tế tuyệt vời ở Trung Quốc, Roosevelt than thở rằng Hoa Kỳ không có sự hiện diện quân sự mạnh mẽ trong khu vực để thực thi nó. Rõ ràng, không có sự hiện diện quân sự ở đó, anh ta không thể dễ dàng sử dụng mối đe dọa lớn của mình để đạt được mục tiêu chính sách đối ngoại của mình. Kết quả là, khi các xung đột phát sinh ở phía bên kia Thái Bình Dương, Roosevelt đã áp dụng chính sách duy trì sự cân bằng quyền lực giữa các quốc gia ở đó. Điều này đặc biệt rõ ràng khi Chiến tranh Nga-Nhật nổ ra vào năm 1904.

Năm 1904, tức giận bởi sự đổ bộ của quân Nga dọc theo biên giới Manchuria ở Trung Quốc, và mối đe dọa mà nó đại diện cho khu vực, Nhật Bản đã phát động một cuộc tấn công hải quân bất ngờ trên hạm đội Nga. Ban đầu, Roosevelt ủng hộ vị trí của Nhật Bản. Tuy nhiên, khi hạm đội Nhật nhanh chóng đạt được chiến thắng sau chiến thắng, Roosevelt đã lo ngại về sự tăng trưởng ảnh hưởng của Nhật Bản trong khu vực và mối đe dọa tiếp tục cho thấy Trung Quốc và Mỹ tiếp cận với những thị trường này. Tốt hơn là Mỹ nên có Nga và Nhật Bản bằng việc cân bằng lẫn nhau.

Với mong muốn duy trì sự cân bằng quyền lực, Roosevelt sắp xếp cho các nhà ngoại giao từ cả hai quốc gia tham dự một hội nghị hòa bình bí mật. Các cuộc đàm phán đã đảm bảo hòa bình trong khu vực, với Nhật Bản giành quyền kiểm soát Triều Tiên, một số căn cứ cũ của Nga ở Mãn Châu, và nửa phía nam của đảo Sakhalin. Với vai trò của mình trong việc giải quyết xung đột, Roosevelt đã được trao giải Nobel Hòa bình, người Mỹ đầu tiên nhận giải thưởng.

#### TAFT'S DOLLAR DIPLOMACY

Khi William Howard Taft trở thành tổng thống vào năm 1909, ông đã chọn để thích nghi với triết lý chính sách đối ngoại của Roosevelt với triết lý phản ánh quyền lực kinh tế của Mỹ vào thời điểm đó. Trong cái được gọi là Ngoại giao Đô-la, Taft đã tuyên bố quyết định "thay thế đô la cho viên đạn" trong nỗ lực sử dụng chính sách đối ngoại để bảo đảm thị trường và cơ hội cho các doanh nhân Mỹ. Không giống như mối đe dọa của Roosevelt, Taft đã sử dụng mối đe dọa của sự bành trướng kinh tế Mỹ để ép buộc các nước thành các thỏa thuận có lợi cho Hoa Kỳ.

Mối quan tâm chính đối với Taft là khoản nợ mà một số quốc gia Trung Mỹ vẫn còn nợ các nước ở châu Âu. Lo sợ rằng người châu Âu có thể sử dụng các khoản nợ như đòn bẩy để sử dụng can thiệp quân sự ở Tây bán cầu, Taft trả hết nợ bằng đô la Mỹ. Tất nhiên, động thái này khiến các nước Trung Mỹ mắc nợ Mỹ thay vì người châu Âu.



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

When a Central American nation resisted this arrangement, Taft responded with military force to achieve the objective. This occurred in Nicaragua when the country refused to accept American loans to pay off its debt to Great Britain. Taft sent a warship with marines to the region to convince the government to agree. Similarly, when Mexico considered the idea of allowing a Japanese corporation to gain significant land and economic advantages in its country, Taft urged Congress to pass the Lodge Corollary, an addendum to the Roosevelt Corollary, stating that no foreign corporation, other than American ones, could obtain strategic lands in the Western Hemisphere.

Taft's policies, although not as reliant on military aggression as Roosevelt's Big Stick Diplomacy, did create difficulties for the United States, both at the time and in the future. Central America's indebtedness would create economic problems for decades, as well as foster nationalist movements in countries resentful of American's interference. In Asia, Taft's efforts to mediate between China and Japan served only to heighten tensions between Japan and the United States.

#### THE BANANA REPUBLICS

Out of Taft's Dollar Diplomacy grew the idea of a **Banana Republic**. The name was coined by British author O. Henry and it described a nation so dependent on foreign trade that the leaders of foreign corporations effectively ruled. In the early 1900s, the two best examples were the Central American nations of Honduras and Guatemala.

In 1912, for the Cuyamel Fruit Company, the American mercenary "General" Lee Christmas overthrew the civil government of Honduras to install a military government friendly to foreign business.

In Honduras an American businessman, Sam Zemurra, entered the banana-export business by buying overripe bananas from the United Fruit Company to sell in New Orleans. In 1910, Zemurray bought 23 square miles of banana producing land along the Caribbean coast of Honduras for exploitation by the Cuyamel Fruit Company and conspired with Manuel Bonilla, an ex-president of Honduras to overthrow the civil government and install a military government friendly to foreign businessmen. Zemurra hired a private, mercenary army and the resulting coup d'état installed Bonilla as the new president.

Back home, the United States ignored the deposition of the elected government of Honduras by a private army. The political instability resulting from the coup d'état stalled the Honduran economy. With a struggling economy, the Honduran government could not pay back its debt to the United States, which in turn perpetuated economic

Khi một quốc gia Trung Mỹ chống lại sự dàn xếp này, Taft đáp lại bằng lực lượng quân sự để đạt được mục tiêu. Điều này đã xảy ra ở Nicaragua khi nước này từ chối chấp nhận các khoản vay của Mỹ để trả hết nợ cho Vương quốc Anh. Taft đã gửi một tàu chiến với thủy quân lục chiến đến khu vực để thuyết phục chính phủ đồng ý. Tương tự, khi Mexico xem xét ý tưởng cho phép một công ty Nhật Bản giành được đất đai và lợi thế kinh tế quan trọng ở quốc gia của mình, Taft đã kêu gọi Quốc hội thông qua Hệ thống nhà nghỉ, một phụ lục cho Roosevelt Corollary, nói rằng không có công ty nước ngoài nào khác ngoài công ty Mỹ, có thể có được những vùng đất chiến lược ở Tây bán cầu.

Chính sách của Taft, mặc dù không phụ thuộc vào sự xâm lược quân sự như Ngoại giao Big Stick của Roosevelt, đã tạo ra những khó khăn cho Hoa Kỳ, cả vào thời điểm đó và trong tương lai. Sự nợ nần của Trung Mỹ sẽ tạo ra các vấn đề kinh tế trong nhiều thập kỷ, cũng như thúc đẩy phong trào dân tộc chủ nghĩa ở các nước phần nọ sự can thiệp của Mỹ. Ở châu Á, nỗ lực của Taft để hòa giải giữa Trung Quốc và Nhật Bản chỉ phục vụ cho những căng thẳng gia tăng giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ.

#### CỘNG HÒA BANANA

Out of Taft's Dollar Diplomacy đã phát triển ý tưởng về một Cộng hòa Chuối. Tên được đặt ra bởi tác giả người Anh O. Henry và nó mô tả một quốc gia phụ thuộc vào thương mại nước ngoài mà các nhà lãnh đạo của các tập đoàn nước ngoài có hiệu quả cai trị. Vào đầu những năm 1900, hai ví dụ tốt nhất là các quốc gia Trung Mỹ của Honduras và Guatemala.

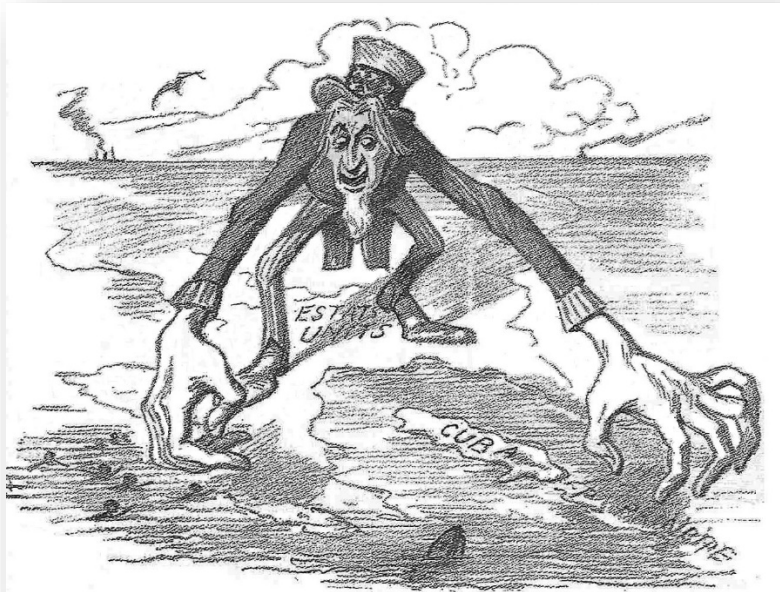
Năm 1912, đối với Công ty Trái cây Cuyamel, lính đánh thuê Mỹ "Tổng quát" Lee Giáng đã lật đổ chính quyền dân sự của Honduras để cài đặt một chính phủ quân sự thân thiện với doanh nghiệp nước ngoài.

Tại Honduras, một doanh nhân người Mỹ, Sam Zemurra, đã bước vào kinh doanh xuất khẩu chuối bằng cách mua chuối chín từ Công ty Hoa Quả để bán ở New Orleans. Trong năm 1910, Zemurray mua 23 dặm vuông đất sản xuất chuối dọc theo bờ biển Caribbean của Honduras khai thác do Công ty Cuyamel trái cây và âm mưu với Manuel Bonilla, một cựu chủ tịch của Honduras lật đổ chính phủ dân sự và cài đặt một chính phủ quân sự thân thiện với nước ngoài doanh nhân. Zemurra thuê một đội quân lính đánh thuê tư nhân và cuộc đảo chính kết quả đã cài đặt Bonilla làm tổng thống mới.

Trở về nhà, Hoa Kỳ đã phớt lờ sự lắng đọng của chính phủ được bầu của Honduras bởi một đội quân tư nhân. Sự bất ổn chính trị do cuộc đảo chính đã làm chững lại nền kinh tế Honduras. Với một nền kinh tế đang gặp khó khăn, chính phủ Honduras không thể trả nợ của mình cho Hoa Kỳ, điều này đã kéo dài tình trạng trì trệ kinh tế và hình ảnh của Honduras là quốc

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

stagnation and the image of Honduras as failed nation. Such a historical, inherited foreign debt undermined the Honduran government, which allowed foreign corporations to manage the country and become sole employers of the Honduran people. The American fruit companies built and controlled the roads, railroads, ports, and telephones in Honduras. If the elected government ever threatened the power of the American businesses, they simply threatened to fire workers or shut down critical infrastructure. In the end, although the people of Honduras voted for their presidents, it was American businessmen who ran the nations through the power of the dollar.



gia thất bại. Một khoản nợ nước ngoài lịch sử, kế thừa đã làm suy yếu chính phủ Honduras, cho phép các tập đoàn nước ngoài quản lý đất nước và trở thành nhà tuyển dụng duy nhất của người dân Honduras. Các công ty hoa quả Mỹ đã xây dựng và kiểm soát các con đường, đường sắt, cảng và điện thoại ở Honduras. Nếu chính phủ được bầu bao giờ đe dọa sức mạnh của các doanh nghiệp Mỹ, họ chỉ đơn giản đe dọa sẽ sa thải nhân viên hoặc đóng cửa cơ sở hạ tầng quan trọng. Cuối cùng, mặc dù người dân Honduras đã bầu cho tổng thống của họ, đó là các doanh nhân người Mỹ điều hành các quốc gia thông qua sức mạnh của đồng đô la.

#### Primary Source: Editorial Cartoon

This cartoon depicts Uncle Sam with long, greedy fingers interfering in the affairs of Latin America.

#### Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Phim hoạt hình này mô tả chú Sam với những ngón tay dài, tham lam can thiệp vào các vấn đề của Mỹ Latinh.

A similar story played out in Guatemala. Dependent on exports of bananas, coffee, and sugar cane, inequitable land distribution became an important cause of national poverty and frustration. During the 1950s, the American-owned **United Fruit Company** was frustrated that the popular, elected leaders of Guatemala were seizing their land in giving to poor Guatemalans. They convinced Presidents Harry Truman and Dwight Eisenhower that the Guatemalans were secretly communist. Eisenhower ordered a coup d'état in which the Central Intelligence Agency deposed the democratically elected government of President Jacobo Árbenz Guzmán. Once again, when American dollars were at stake, American military might was not far behind, and Dollar Diplomacy worked to build and preserve American economic might. The United Fruit Company is still thriving today, although its name changed in 1984. Today we know it as Chiquita Banana.

Một câu chuyện tương tự diễn ra ở Guatemala. Phụ thuộc vào xuất khẩu chuối, cà phê và mía, phân phối đất không công bằng đã trở thành một nguyên nhân quan trọng gây ra đói nghèo và thất vọng của quốc gia. Trong những năm 1950, Công ty Trái cây của Hoa Kỳ đã thất vọng khi các nhà lãnh đạo được bầu chọn, phổ biến của Guatemala đang chiếm giữ đất đai của họ trong việc trao cho những người Guatemala nghèo. Họ thuyết phục Tổng thống Harry Truman và Dwight Eisenhower rằng những người Guatemala đã bí mật cộng sản. Eisenhower ra lệnh cho một cuộc đảo chính trong đó Cơ quan Tình báo Trung ương lật đổ chính phủ được bầu dân chủ của Tổng thống Jacobo Árbenz Guzmán. Một lần nữa, khi đồng đô la Mỹ bị đe dọa, quân đội Mỹ có thể không xa phía sau, và Ngoại giao đô la đã làm việc để xây dựng và bảo tồn sức mạnh kinh tế của Mỹ. Công ty Hoa quả vẫn đang phát triển mạnh trong ngày hôm nay, mặc dù

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

It could be argued that American support for the overthrow of Queen Liliuokalani in Hawaii, although it occurred long before Taft's presidency, is another example of Dollar Diplomacy at work and that the Kingdom and subsequent Republic of Hawaii were both stereotypical banana republics.

#### WOODROW WILSON'S MORAL DIPLOMACY

When Woodrow Wilson took over the White House in 1913, he promised a less expansionist approach to American foreign policy. Wilson did share the commonly held view that American values were superior to those of the rest of the world, that democracy was the best system to promote peace and stability, and that the United States should continue to actively pursue economic markets abroad. Instead, he proposed an idealistic foreign policy based on morality, rather than American self-interest. His **Moral Diplomacy** emphasized the encouragement of self-rule and independence rather than what he believed were selfish American interests.

Wilson appointed former presidential candidate William Jennings Bryan, a noted anti-imperialist and proponent of world peace, as his Secretary of State. Bryan undertook his new assignment with great vigor, encouraging nations around the world to sign treaties in which they agreed to resolve international disputes through talks, not war. Bryan negotiated friendly relations with Colombia, including a \$25 million apology for Roosevelt's actions during the Panamanian Revolution. Even with Bryan's support, however, Wilson found that it was much harder than he anticipated to keep the United States out of world affairs.

Furthering his goal of reducing overseas intervention, Wilson promised not to rely on the Roosevelt Corollary, Theodore Roosevelt's explicit policy that the United States could involve itself in Latin American politics whenever it felt that the countries in the Western Hemisphere needed policing. Once president, however, Wilson again found it was more difficult to avoid American interventionism in practice than in rhetoric. Indeed, Wilson intervened more in Western Hemisphere affairs than either Taft or Roosevelt. In 1915, when a revolution in Haiti resulted in the murder of the Haitian president and threatened the safety of New York banking interests, Wilson sent over 300 marines to establish order. The United States assumed control over the island's foreign policy as well as its financial administration. One year later, in 1916, Wilson again marines the Dominican Republic to ensure prompt payment of a debt that nation owed and in 1917, Wilson sent troops to

tên của nó đã thay đổi vào năm 1984. Hôm nay chúng ta biết nó là Chiquita Banana.

Có thể lập luận rằng sự hỗ trợ của Mỹ cho việc lật đổ Nữ hoàng Liliuokalani ở Hawaii, mặc dù nó xảy ra lâu trước khi tổng thống Taft, là một ví dụ khác về Ngoại giao Đô la tại nơi làm việc và Vương quốc và Cộng hòa Hawaii sau đó đều là những nước cộng hòa chuối theo khuôn mẫu.

#### WOODROW WILSON'S MORAL DIPLOMACY

Khi Woodrow Wilson tiếp quản Nhà Trắng vào năm 1913, ông hứa hẹn một cách tiếp cận ít mở rộng hơn đối với chính sách đối ngoại của Mỹ. Wilson đã chia sẻ quan điểm chung rằng giá trị của Mỹ cao hơn so với các nước khác trên thế giới, dân chủ là hệ thống tốt nhất để thúc đẩy hòa bình và ổn định, và Hoa Kỳ nên tiếp tục tích cực theo đuổi thị trường kinh tế ở nước ngoài. Thay vào đó, ông đề xuất một chính sách đối ngoại lý tưởng dựa trên đạo đức, chứ không phải là lợi ích của người Mỹ. Ngoại giao đạo đức của ông nhấn mạnh sự khuyến khích của tự cai trị và độc lập hơn là những gì ông tin là lợi ích ích kỷ của người Mỹ.

Wilson đã bổ nhiệm cựu ứng cử viên tổng thống William Jennings Bryan, một nhà chống đế quốc và là người đề xướng hòa bình thế giới, với tư cách là Ngoại trưởng. Bryan đã thực hiện nhiệm vụ mới của mình với sức sống to lớn, khuyến khích các quốc gia trên thế giới ký các hiệp ước mà họ đã đồng ý giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua đàm phán, chứ không phải chiến tranh. Bryan thương lượng quan hệ thân thiện với Colombia, bao gồm một lời xin lỗi 25 triệu đô la cho các hành động của Roosevelt trong cuộc Cách mạng Panama. Ngay cả với sự hỗ trợ của Bryan, tuy nhiên, Wilson thấy rằng nó khó khăn hơn nhiều so với dự đoán để giữ cho Hoa Kỳ ra khỏi các vấn đề thế giới.

Hơn nữa, mục tiêu của ông là giảm sự can thiệp ở nước ngoài, Wilson hứa sẽ không dựa vào hệ thống Roosevelt Corollary, chính sách rõ ràng của Theodore Roosevelt rằng Hoa Kỳ có thể liên quan đến chính trị Mỹ Latinh bất cứ khi nào nó cảm thấy rằng các nước ở Tây bán cầu cần phải kiểm soát. Tuy nhiên, một khi tổng thống, Wilson lại thấy khó tránh khỏi sự can thiệp của người Mỹ trong thực tế hơn là theo lời nói. Thật vậy, Wilson can thiệp nhiều hơn vào các vấn đề Tây bán cầu hơn cả Taft hoặc Roosevelt. Vào năm 1915, khi một cuộc cách mạng ở Haiti dẫn đến việc giết tổng thống Haiti và đe dọa sự an toàn của lợi ích ngân hàng ở New York, Wilson đã gửi hơn 300 thủy quân lục chiến để thành lập lệnh. Hoa Kỳ nắm quyền kiểm soát chính sách đối ngoại của hòn đảo cũng như chính quyền tài chính của hòn đảo này. Một năm sau, vào năm 1916, Wilson lại một lần nữa tấn công Cộng hòa Dominica để đảm bảo thanh toán nhanh chóng khoản nợ mà quốc gia nợ và vào năm 1917, Wilson gửi quân tới Cuba để bảo vệ các đồn điền đường



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

Cuba to protect American-owned sugar plantations from attacks by Cuban rebels.

Wilson's most noted foreign policy foray prior to World War I focused on Mexico, where a civil war had broken out. Wilson chose to make an example of Mexico and demanded that the warring parties hold democratic elections and establish laws based on his moral principles. Officially however, Wilson supported Venustiano Carranza, who opposed Victoriano Huerta's military control of the country. When American intelligence learned that a German ship was allegedly preparing to deliver weapons to Huerta's forces, Wilson ordered the navy to land forces at Veracruz to stop the shipment.

thuộc sở hữu của Mỹ khỏi các cuộc tấn công của phiến quân Cuba.

Đột phá chính sách đối ngoại nổi bật nhất của Wilson trước Thế chiến thứ nhất tập trung vào Mexico, nơi mà một cuộc nội chiến nổ ra. Wilson đã chọn để làm một ví dụ về Mexico và yêu cầu các bên tranh chấp tổ chức bầu cử dân chủ và thiết lập luật dựa trên các nguyên tắc đạo đức của ông. Chính thức tuy nhiên, Wilson ủng hộ Venustiano Carranza, người phản đối sự kiểm soát quân sự của Victoriano Huerta về đất nước. Khi trí thông minh Mỹ biết được rằng một con tàu Đức bị cáo buộc chuẩn bị cung cấp vũ khí cho các lực lượng của Huerta, Wilson ra lệnh cho lực lượng hải quân hạ cánh tại Veracruz để ngăn chặn chuyển hàng.

#### Primary Source: Editorial Cartoon

"I've had about enough of this," cries a frustrated Uncle Sam as he jumps the border to chase Pancho Villa into Mexico. As it turned out, Latin Americans had about enough of American incursions as well.

#### Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Sau đó, tôi đã có đủ điều này, anh khóc một chú Sam thất vọng khi anh nhảy qua biên giới để đuổi theo Pancho Villa vào Mexico. Khi nó bật ra, người Mỹ Latinh cũng có đủ các cuộc xâm lược của Mỹ.



On April 22, 1914, a fight erupted between the American and Mexican troops, resulting in nearly 150 deaths, 19 of them American. Although Carranza's faction managed to overthrow Huerta in the summer of

Vào ngày 22 tháng 4 năm 1914, một cuộc chiến nổ ra giữa quân đội Mỹ và Mexico, khiến gần 150 người chết, 19 trong số đó là người Mỹ. Mặc dù phe Carranza quản lý để lật đổ Huerta vào mùa hè năm 1914, hầu hết người Mexico, kể cả Carranza, đã trở



### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

1914, most Mexicans, including Carranza, had come to resent American intervention in their affairs.

When another Mexican revolutionary, **Pancho Villa** led 1,500 of his followers across the border into New Mexico and **attacked and burned the American town of Columbus**, Wilson responded by sending General John Pershing into Mexico to capture Villa and return him to the United States for trial. With over 11,000 at his disposal, Pershing marched three hundred miles into Mexico but failed to capture Villa. He did, however, manage to infuriate the Mexicans who saw it as yet another betrayal of Wilson's promises.

#### CONCLUSION

After success in the Spanish-American War and struggling to establish control over the Philippines, the nation's leaders offered differing visions of American power in the world.

First, Theodore Roosevelt argued that a powerful military was the key to achieving the nation's goals, although with the right touch it would not be necessary to every call the military into action.

President Taft took a less belligerent tone, but was no less assertive. His use of the power of American business and willingness to swoop in with the military to protect economic interests differed little from Roosevelt's administration in the final outcome.

The Democrat Wilson spoke out on the campaign trail for a different, more humane and moral approach, but ended up looking more like Roosevelt than Roosevelt himself.

Which approach was right, or were they all misguided? What do you think? How should America project its power in the world?

#### SUMMARY

European powers had been interested in having control in China for many years. There were important markets with lots of customers in China. Instead of taking full control and making China a colony, Europeans carved up China into zones. These spheres of influence were places where only businesses from one country could operate. The British controlled Shanghai, for example.

nên phần uất với sự can thiệp của Mỹ trong công việc của họ.

Khi một cuộc cách mạng Mexico khác, Pancho Villa dẫn 1.500 người theo ông qua biên giới vào New Mexico và tấn công và đốt cháy thị trấn Columbus của Mỹ, Wilson trả lời bằng cách gửi Tướng John Pershing vào Mexico để bắt Villa và đưa ông về Hoa Kỳ để xét xử. Với hơn 11.000 theo ý của mình, Pershing hành quân ba trăm dặm vào Mexico nhưng thất bại trong việc nắm bắt Villa. Tuy nhiên, anh ta đã cố gắng làm điên loạn người Mexico, người đã xem nó như một sự phản bội khác về lời hứa của Wilson.

#### PHẦN KẾT LUẬN

Sau thành công trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ và đấu tranh để thiết lập quyền kiểm soát đối với Philippines, các nhà lãnh đạo của quốc gia đã đưa ra những tầm nhìn khác nhau về quyền lực của người Mỹ trên thế giới.

Đầu tiên, Theodore Roosevelt lập luận rằng một quân đội hùng mạnh là chìa khóa để đạt được các mục tiêu của quốc gia, mặc dù với sự tiếp xúc đúng đắn, nó sẽ không cần thiết cho mọi cuộc gọi quân sự thành hành động.

Tổng thống Taft lấy một giọng ít hiếu chiến hơn, nhưng không kém phần quyết đoán. Việc ông sử dụng sức mạnh của việc kinh doanh của Mỹ và sẵn lòng lao vào với quân đội để bảo vệ lợi ích kinh tế khác với chính quyền của Roosevelt trong kết quả cuối cùng.

Dân chủ Wilson đã nói ra trên đường mòn chiến dịch cho một cách tiếp cận khác, nhân đạo và đạo đức hơn, nhưng cuối cùng lại trông giống Roosevelt hơn chính Roosevelt.

Cách tiếp cận nào là đúng, hoặc tất cả đều sai lầm? Bạn nghĩ sao? Làm thế nào Mỹ nên dự án quyền lực của mình trên thế giới?

#### TÓM LƯỢC

Các cường quốc châu Âu đã quan tâm đến việc kiểm soát Trung Quốc trong nhiều năm. Có những thị trường quan trọng với rất nhiều khách hàng ở Trung Quốc. Thay vì kiểm soát hoàn toàn và biến Trung Quốc thành thuộc địa, người châu Âu đã khắc Trung Quốc thành các khu vực. Những phạm vi ảnh hưởng này là nơi chỉ các doanh nghiệp từ một quốc gia có thể hoạt động. Người Anh kiểm soát Thượng Hải chẳng hạn.

### 3 HOW SHOULD AMERICA PROJECT ITS POWER AROUND THE WORLD?

The United States did not like this arrangement. American leaders declared an Open Door Policy. They said that Europeans had to let American companies do business anywhere they wanted.

Some leaders in China objected to the control Europeans and Americans had in their country. In one case, a group called the Boxers launched a rebellion and the Europeans and American had to send 2,000 soldiers to defeat them.

During the early 1900s, three American presidents dealt with issues related to imperialism. The first was Theodore Roosevelt. His approach was nicknamed the Big Stick. He believed that he could use American military power (usually the navy) to intimidate less powerful nations. One example was when he sent the navy to Panama to support the Panamanian Revolution and secure the right to build the Panama Canal.

The Panama Canal was a major undertaking that was initiated by Theodore Roosevelt. The canal connects the Atlantic and Pacific Oceans and allows the United States to quickly shift its warships from one ocean to the other. It also serves as an important trade route.

Roosevelt expanded the Monroe Doctrine. President Monroe had declared that the Western Hemisphere was off limits to European nations. Roosevelt added his own Corollary in which he declared that the United States would intervene in Latin American nations when there were problems. The United States has done this multiple times. This American policy has not been particularly popular south of the border.

Theodore Roosevelt won the Nobel Peace Prize for helping to negotiate an end to the Russo-Japanese War.

President Taft followed Dollar Diplomacy. He wanted to use American economic power to influence other nations. This led to the development of the so-called banana republics. One notable example was Honduras where the American United Fruit Company manipulated the government in order to pay lower taxes.

President Wilson believed in Moral Diplomacy. He wanted people to decide on their own government. However, his idealism did not extend to American territories. When Mexican revolutionary Pancho Villa attacked an American town, Wilson sent the army into Mexico to try to catch him.

Hoa Kỳ không thích sự sắp xếp này. Các nhà lãnh đạo Mỹ tuyên bố Chính sách mở cửa. Họ nói rằng người châu Âu phải để các công ty Mỹ làm ăn ở bất cứ đâu họ muốn.

Một số nhà lãnh đạo ở Trung Quốc phản đối sự kiểm soát của người châu Âu và người Mỹ đã có ở đất nước họ. Trong một trường hợp, một nhóm được gọi là Boxers đã phát động một cuộc nổi loạn và người châu Âu và Mỹ phải gửi 2.000 binh sĩ để đánh bại họ.

Trong những năm đầu thập niên 1900, ba tổng thống Mỹ đã giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ nghĩa đế quốc. Đầu tiên là Theodore Roosevelt. Cách tiếp cận của anh ta có biệt danh là Cây gậy lớn. Ông tin rằng mình có thể sử dụng sức mạnh quân sự của Mỹ (thường là hải quân) để đe dọa các quốc gia ít mạnh hơn. Một ví dụ là khi ông gửi hải quân tới Panama để ủng hộ Cách mạng Panama và bảo đảm quyền xây dựng Kênh đào Panama.

Kênh Panama là một công việc chính được khởi xướng bởi Theodore Roosevelt. Kênh đào kết nối Đại Tây Dương và Thái Bình Dương và cho phép Hoa Kỳ nhanh chóng chuyển các tàu chiến của mình từ đại dương này sang đại dương khác. Nó cũng phục vụ như một tuyến thương mại quan trọng.

Roosevelt mở rộng Học thuyết Monroe. Tổng thống Monroe đã tuyên bố rằng Tây bán cầu đã vượt quá giới hạn đối với các quốc gia châu Âu. Roosevelt đã thêm Hệ quả của riêng mình, trong đó ông tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào các quốc gia Mỹ Latinh khi có vấn đề. Hoa Kỳ đã làm điều này nhiều lần. Chính sách này của Mỹ đã không được đặc biệt phổ biến ở phía nam biên giới.

Theodore Roosevelt đã giành giải Nobel Hòa bình vì đã giúp đàm phán chấm dứt Chiến tranh Nga-Nhật.

Tổng thống Taft theo Dollar Ngoại giao. Ông muốn sử dụng sức mạnh kinh tế của Mỹ để gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác. Điều này dẫn đến sự phát triển của cái gọi là cộng hòa chuối. Một ví dụ đáng chú ý là Honduras nơi Công ty Hoa Kỳ Hoa Kỳ thao túng chính phủ để trả thuế thấp hơn.

Tổng thống Wilson tin vào Ngoại giao đạo đức. Ông muốn mọi người quyết định chính phủ của họ. Tuy nhiên, chủ nghĩa lý tưởng của ông không mở rộng ra lãnh thổ Mỹ. Khi Pancho Villa cách mạng Mexico tấn công một thị trấn của Mỹ, Wilson đã gửi quân đội vào Mexico để cố gắng bắt anh ta.



### KEY CONCEPTS

**Spheres of Influence:** Nickname for the regions of China that were controlled by the various European nations. Within these zones, only one European power was permitted to carry out trade.

**Banana Republic:** A small nation dominated by foreign businesses. This nickname was used especially for Central American nations dominated by fruit growers based in the United States.



### LOCATIONS

**Panama Canal:** Canal connecting the Atlantic and Pacific Oceans. It was an important success of President Theodore Roosevelt.



### POLICIES

**Open Door Policy:** American policy at the turn of the century that stated that all of China would be open to trade, essentially ignoring the European spheres of influence.

**Big Stick Diplomacy:** Theodore Roosevelt's approach to foreign policy. He emphasized the threat of military force as a way to force other nations to accept American positions.

**Roosevelt Corollary:** Theodore Roosevelt's addition to the Monroe Doctrine in which he stated that the United States would act as policeman for the Americas.

**Good Neighbor Policy:** Policy promoted by Franklin Roosevelt and other presidents that contradicted the Roosevelt Corollary. It stated that the United States would respect the independence of Latin American nations.

**Dollar Diplomacy:** President Taft's approach to foreign policy. He emphasized the use of American financial power rather than the threat of military force.

**Moral Diplomacy:** President Wilson's approach to foreign policy. He emphasized the use of American power to promote democracy and self-rule.



### PEOPLE AND GROUPS

**John Hay:** American Secretary of State who introduced the Open Door Policy.

**Dr. Walter Reed:** Army doctor who led the effort to eradicate mosquitos in Panama and make the area safe for the workers who built the Panama Canal.

**Pancho Villa:** Mexican revolutionary who led a raid on the town of Columbus in New Mexico leading to President Wilson launching an invasion of Mexico in an unsuccessful attempt to capture him.



### EVENTS

**Boxer Rebellion:** 1899-1901 conflict between Chinese nationalists and Europeans, Japanese and Americans over control of China.

**Russo-Japanese War:** 1904 conflict between Russian and Japan. Theodore Roosevelt helped negotiate a peace treaty and won the Nobel Peace Prize for his efforts.

**Great White Fleet:** American fleet of battleships that sailed around the world between 1907 and 1909 to demonstrate American military might.



### BUSINESSES

**United Fruit Company:** American company that dominated the economies of Central American nations leading to their being nicknamed Banana Republics. It is now called Chiquita Banana.

## QUESTION ELEVEN , PART ONE

# Did the IMPERIALIST ERA EXPAND or BETRAY

## America's FOUNDING IDEALS?

“We hold these truths to be self-evident, that all men are created equal, that they are endowed by their Creator with certain unalienable Rights, that among these are Life, Liberty and the pursuit of Happiness.”

This is what Thomas Jefferson eloquently wrote in the Declaration of Independence in 1776, and the idea that all Americans should be granted an equal chance to pursue their own dreams has been something we have shared ever since. Millions of immigrants came to America because they knew that in the United States, they were guaranteed an equal chance.

But not all people who lived under the American flag were equal. In Puerto Rico, Guam, the Philippines, Samoa, Panama, Hawaii, Alaska and from time to time in China, Cuba, Mexico, the Dominican Republic, Haiti, Guatemala, Honduras, Columbia and many other places, people were subject to the authority of the United States government, but enjoyed none of the freedoms guaranteed to citizens of the 50 states. It is true that Alaska and Hawaii eventually gained statehood, and the Philippines gained independence. It is also true that Americans brought advances and improvements to many of the places they went. They built roads, schools, hospitals and government institutions. But at a cost, both in lives and lost respect.

What do you think? Did America's Imperialist Era expand or betray its founding ideals?

Chúng tôi giữ những sự thật này là hiển nhiên, rằng tất cả mọi người đều được tạo ra bình đẳng, rằng họ được ưu ái bởi Người sáng tạo của họ với một số quyền bất khả kháng nhất định, trong số đó là Cuộc sống, Tự do và theo đuổi Hạnh phúc.

Đây là những gì Thomas Jefferson hùng hồn viết trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776, và ý tưởng rằng tất cả người Mỹ nên được trao và cơ hội bình đẳng để theo đuổi ước mơ của chính họ là điều chúng tôi đã chia sẻ từ đó. Hàng triệu người nhập cư đến Mỹ vì họ biết rằng ở Hoa Kỳ, họ được đảm bảo một cơ hội bình đẳng.

Nhưng không phải tất cả những người sống dưới cờ Mỹ đều bình đẳng. Ở Puerto Rico, Guam, Philippines, Samoa, Panama, Hawaii, Alaska và thỉnh thoảng ở Trung Quốc, Cuba, Mexico, Cộng hòa Dominica, Haiti, Guatemala, Honduras, Columbia và nhiều nơi khác, mọi người phải chịu quyền của chính phủ Hoa Kỳ, nhưng không được hưởng quyền tự do nào được bảo đảm cho công dân của 50 tiểu bang. Đúng là Alaska và Hawaii cuối cùng đã đạt được trạng thái độc lập, và Philippines giành được độc lập. Nó cũng đúng là người Mỹ mang lại những tiến bộ và cải tiến cho nhiều nơi họ đã đi. Họ xây dựng đường xá, trường học, bệnh viện và các tổ chức chính phủ. Nhưng với chi phí, cả trong cuộc sống và mất sự tôn trọng.

Bạn nghĩ sao? Kỷ nguyên đế quốc của Mỹ có mở rộng hay phản bội lý tưởng sáng lập của nó không?





[www.inquiryhistory.com](http://www.inquiryhistory.com)